DỰ ÁN VIỆT NAM – HÀN QUỐC HỢP TÁC



KV-MAP VIETNAM MINE ACTION CAPACITY ASSESSMENTS 1

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM MÌN SAU CHIẾN TRANH

**Đánh giá năng lực khắc phục hậu quả bom mìn của Việt Nam**



**MỤC LỤC**

**MỤC LỤC**

**LỜI NÓI ĐẦU....................................................................................................................................3**

**CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT ……………..…………………………………………….......................4**

**I. GIỚI THIỆU……….....................................................................................................................5**

**II. LĨNH VỰC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM MÌN TẠI VIỆT NAM ...................................7**

**III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VNMAC VÀ CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG. …….17**

**IV. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO VNMAC ………………….39**

**V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC BỘ LĐ-TBXH VÀ CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG...43**

**VI. KÉ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO BỘ LĐ-TBXH…………….48**

**VII. CÁC BƯỚC TIẾP THEO.......................................................................................................49**

**PHỤ LỤC..........................................................................................................................................50**

***Các cơ quan quốc gia điều hành và quản lý hiệu quả các chức năng và nhiệm vụ khắc phục hậu quả bom mìn***

***Mục tiêu chiến lược 3***

***Chiến lược Hành động Bom mìn của Liên Hợp Quốc 2019-2023***

*Báo cáo đánh giá Năng lực Khắc phục hậu quả Bom mìn của Việt Nam được thực hiện trong phạm vi Dự án “Việt Nam – Hàn Quốc hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh”, được đồng thực hiện bởi Trung tâm Hành động Bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC), Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TBXH), Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (UNDP Việt Nam) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA).*

*Việc đánh giá được thực hiện dựa trên các thông tin cung cấp và các ý kiến tự đánh giá của các lãnh đạo, cán bộ VNMAC và Bộ LĐ-TBXH với sự điều phối của UNDP Việt Nam và chuyên gia tư vấn, ông Terence D. Jones. Các ý kiến trong bản đánh giá này không hoàn toàn đại diện cho Liên Hợp Quốc, bao gồm UNDP,các Quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc hoặc Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA).***D**

**LỜI NÓI ĐẦU SDSDS**

Tôi hân hạnh giới thiệu *Báo cáo Đánh giá năng lực khắc phục hậu quả bom mìn của Việt Nam* với các nội dungchi tiết về quá trình và các kết quả tự đánh giá do Trung tâm hành động Bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC) thực hiện cùng với đánh giá năng lực và chiến lược của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TBXH) trong vai trò hỗ trợ nạn nhân.

Vào năm 2014, Việt Nam đã thành lập Trung tâm Hành động Bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC) với vai trò là cơ quan điều phối cấp quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn theo Quyết định số 319/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trung tâm Hành động Bom mìn quốc gia Việt Nam có nhiệm vụ: a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất chính sách, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; phối hợp các Bộ, ngành, địa phương để triển khai kế hoạch được phê duyệt; quản lý, theo dõi, tổng hợp việc thực hiện kế hoạch báo cáo Thủ tướng Chính phủ; b) Là đầu mối chính thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, vận động tài trợ cấp quốc gia trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam; c) Triển khai công tác tuyên truyền vận động tài trợ; chủ trì tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho các lực lượng tham gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; d) Chủ trì việc Quản lý thông tin khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; đ) Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện việc theo dõi, giám sát chất lượng, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; e) Tổ chức điều phối thực hiện các dự án, nhiệm vụ rà phá bom mìn, hỗ trợ nạn nhân bom mìn, tuyên truyền phòng tránh tai nạn bom mìn và các nhiệm vụ khác theo Chương trình 504; g) Phối hợp và hướng dẫn các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

Với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP Việt Nam) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), VNMAC đã tiến hành tự đánh giá năng lực vào đầu năm 2019. Mục tiêu là củng cố và nâng cao năng lực vốn có của VNMAC đồng thời xác định những năng lực cần cải thiện để VNMAC có thể hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Kết quả thu được là Báo cáo Đánh giá trong đó nêu rõ các điểm chính cần VNMAC và Bộ LĐ-TBXH thực hiện trong tương lai với kỳ vọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam.

VNMAC cam kết cải thiện công tác xây dựng năng lực nội bộ cũng như tăng cường việc quản lý hiệu quả lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Việt Nam vẫn cần nhiều hơn nữa các vùng đất an toàn cho công cuộc phát triển kinh tế, cũng như hỗ trợ nạn nhân do bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh gây ra và giảm thiểu nguy cơ về tai nạn bom mìn trong tương lai. Do nguồn lực phân bổ cho linh vực này khó có thể đáp ứng đủ nhu cầu, điều quan trọng là cần củng cố năng lực nội bộ về việc đưa ra các quyết định cần thiết, xác định các khu vực ưu tiên nhằm hướng sự tập trung và hỗ trợ vào những nơi cần thiết nhất. VNMAC đã có những bước tiến trong việc ưu tiên các điểm mấu chốt cần thực hiện được khuyến cáo trong báo cáo này, đồng thời đang tiến hành xây dựng kế hoạch hành động toàn diện nhằm tăng cường năng lực tổ chức để sẵn sàng đáp ứng kỳ vọng của người dân và các nhà tài trợ.

Tôi trân trọng cảm ơn các đối tác phát triển từ trước đến nay đã hỗ trợ VNMAC trong việc tăng cường năng lực, đặc biệt là UNDP và KOICA đã hỗ trợ cho đánh giá này. Tôi tin rằng Báo cáo Đánh giá Năng lực và các khuyến nghị đi kèm sẽ hữu ích cho tất cả các cá nhân và đối tác đang công tác trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, với mong muốn cùng tiếp tục hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

Trung tâm Hành động Bom mìn Quốc gia Việt Nam

jk

**TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| BCĐ | Ban Chỉ đạo |
| BMVN | Bom mìn vật nổ |
| BOMICEN | Trung tâm Công nghệ xử lý Bom mìn |
| Bộ LĐ-TBXH | Bộ Lao động – Thương binh xã hội |
| CSDL | Cơ sở dữ liệu |
| ĐPDA | Điều phối dự án |
| GDPTTNBM | Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn |
| HTNN | Hỗ trợ nạn nhân |
| IC | Tổ chức IC, Quỹ cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam |
| IMAS | Tiêu chuẩn hành động mìn quốc tế |
| IMSMA | Hệ thống quản lý thông tin hành động bom mìn |
| KOICA | Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc |
| KV-MAP | Dự án Việt Nam – Hàn Quốc hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh |
| KS&RP | Khảo sát và Rà phá |
| KSKT | Khảo sát kỹ thuật |
| KSPKT | Khảo sát phi kỹ thuật |
| KPHQBM | Khắc phục hậu quả bom mìn |
| LWG | Nhóm Công tác bom mìn |
| LHQ | Liên Hợp Quốc |
| NKT | Người khuyết tật |
| NNBM | Nạn nhân bom mìn |
| MAPG | Nhóm Đối tác hành động bom mìn |
| QLCL | Quản lý chất lượng |
| QLDA | Quản lý dự án |
| QLTT | Quản lý Thông tin |
| PCP | Phi chính phủ |
| UNDP | Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc |
| VNASMA | Hội hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam |
| VNMAC | Trung tâm Hành động Bom mìn Quốc gia Việt Nam |

**Ⅰ. GIỚI THIỆU**

1) Hoạt động đánh giá năng lực nằm trong khuôn khổ Dự án Việt Nam – Hàn Quốc Hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh (KV-MAP). Hoạt động đánh giá cũng như việc xây dựng các chiến lược theo đó đều nhằm cung cấp nguồn dữ liệu cơ sở để thiết kế, ưu tiên và đo lường tác động của các hoạt động can thiệp hỗ trợ bởi Dự án. Do đó, Báo cáo sẽ trình bày bối cảnh về lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn ở Việt Nam, công bố kết quả tự đánh giá năng lực được thực hiện vào năm 2019 và đề xuất chiến lược cũng như kế hoạch hành động với sự hỗ trợ từ KV-MAP.

2) Báo cáo được soạn thảo dựa trên việc rà soát các tài liệu về lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn (KPHQBM) ở Việt Nam, các kinh nghiệm quốc tế liên quan và phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm trước khi triển khai hoạt động tự đánh giá đối với Trung tâm hành động bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC), và phỏng vấn một số đại diện của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TBXH).

3) Công tác đánh giá năng lực được thực hiện theo phương pháp luận của UNDP, bao gồm bốn bước – xác định phạm vi, thiết kế bài tập đánh giá, triển khai hoạt động tự đánh giá, cuối cùng là xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động phát triển năng lực. Kết quả phân tích đưa ra dựa trên tài liệu được cung cấp, phỏng vấn các bên liên quan và các câu trả lời nhận được qua bài tập tự đánh giá.

4) Các cán bộ, nhân viên dự án KV-MAP đã nhiệt tình hỗ trợ chuyên gia tư vấn, ông Terence D. Jones. VNMAC đã cử một nhóm đầu mối gồm ba cán bộ để làm việc với chuyên gia tư vấn trong 2 ngày. Cụ thể, chuyên gia đã khái quát về 3 bước thực hiện đánh giá bao gồm: tầm nhìn và khung thời gian cho hoạt động KPHQBM sau chiến tranh, phân tích các đối tác của VNMAC, các vấn đề cốt lõi trong đánh giá năng lực (thể chế, chức năng và kỹ thuật). Nhóm đầu mối đã hỗ trợ chuyên gia nghiên cứu phương pháp luận, phân tích các khía cạnh nội dung của từng bước và cung cấp phản hồi từ góc độ quản lý, cũng như tổ chức các cuộc phỏng vấn và hội thảo đánh giá. Các lãnh đạo cấp cao của VNMAC đã nhiệt tình hỗ trợ. Dự án KV-MAP có lợi thế tương tác trực tiếp với chính phủ trên hầu hết các nội dung chính của lĩnh vực hành động bom mìn.

5) VNMAC nên sử dụng các khuyến nghị và kế hoạch phát triển năng lực trình bày trong báo cáo để xác định năng lực hiện tại của trung tâm và những nội dung cần ưu tiên để nâng cao năng lực nhằm đáp ứng các mục tiêu của Chương trình 504 và dự án KV-MAP. VNMAC với sự hỗ trợ của UNDP và các cán bộ dự án KV-MAP cần chủ động xây dựng dự thảo, phê duyệt chiến lược và kế hoạch phát triển năng lực, đồng nghĩa với việc cam kết thực hiện, và tiến hành đánh giá hàng năm để điều chỉnh các mục tiêu so với tiến độ đã đạt được.

Việt Nam bị ô nhiễm trên diện rộng bởi tàn dư bom chùm nhưng không có ước tính chính xác về phạm vi, thậm chí đến hàng trăm ki-lô-mét vuông gần nhất. Theo số liệu báo cáo, Hoa Kỳ đã rải khoảng 413.130 tấn bom đạn trên khắp Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 1965 đến năm 1973 trên khu vực 55 tỉnh và thành phố, bao gồm Hải Phòng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế và Vinh. Một cuộc khảo sát về tác động của vật liệu nổ sót lại sau chiến tranh đã được bắt đầu triển khai từ năm 2004 và hoàn thành vào năm 2014, nhưng kết quả chỉ mới được công bố vào năm 2018. Theo đó, 61.308 km2 tương đương với 19% diện tích Việt Nam bị ảnh hưởng bởi vật liệu nổ sót lại sau chiến tranh nhưng không xác định rõ khu vực bị ảnh hưởng bởi tàn dư bom chùm. Tuy nhiên, cũng theo báo cáo, tàn dư bom chùm đã gây ảnh hưởng đến 32 trong số 63 tỉnh và thành phố Việt Nam. Tại Quảng Trị, nơi được biết đến là vùng đất bị ô nhiễm nặng nhất nước Việt Nam, ước tính diện tích ô nhiễm bom chùm đang tăng mạnh theo tiến độ khảo sát. Theo kết quả khảo sát do các đối tác hành động bom mìn quốc tế thực hiện tại Quảng Trị vào năm 2015, ước tính tổng diện tích ô nhiễm bom chùm của một huyện có thể vào khoảng 57km2. Tính đến đầu năm 2018 tổng diện tích ô nhiễm vật liệu nổ sót lại sau chiến tranh của tỉnh ở mức hơn 130km2, và do khảo sát sẽ còn được triển khai ở ba huyện khác dự kiến diện tích này sẽ còn tăng và rơi vào khoảng từ 150km2 đến 200km2, chiếm chưa đến 5% trên tổng diện tích 4.470 km2 của tỉnh Quảng Trị. Hoạt động rà phá đã giúp giảm số lượng nạn nhân bom mìn một cách đáng kể. Theo báo cáo của trung tâm Điều phối Khắc phục Hậu quả Chiến tranh tỉnh Quảng Trị (LWCC), 2017 là năm đầu tiên không có nạn nhân tử vong vì bom mìn vật nổ kể từ khi kết thúc chiến tranh.

(Báo cáo rà phá tàn dư bom chùm 2018)

**Ⅱ. LĨNH VỰC HÀNH ĐỘNG BOM MÌN**

6) Các hoạt động KPHQBM sau chiến tranh đã được ghi chép tốt hơn trong những năm gần đây nhờ có các thỏa thuận thể chế và sự tham gia tích cực hơn từ cộng đồng quốc tế. Mặc dù hoạt động KPHQBM chủ yếu diễn ra sau khi đất nước thống nhất vào tháng 5 năm 1975, nhưng thực tế Việt Nam đã bắt đầu hoạt động này từ nhiều năm trước. Xung đột từ những năm 1940 sau kháng chiến chống Pháp, chiến tranh biên giới với Campuchia và Trung Quốc vào các năm 1978 và 1979 (có thể kéo dài đến 1989) với giai đoạn rải bom cao trào từ 1965 – 1973, khiến toàn bộ 63 tỉnh thành phố của Việt Nam đã bị ô nhiễm. Đặc biệt sau năm 1975, lực lượng quân đội đã đẩy mạnh rà phá bom mìn nhằm giải phóng đất và phá hủy các kho dự trữ để khôi phục an ninh quốc gia, tái định cư cho người dân phải sơ tán, giảm thiểu nguy hại tới cộng đồng.

7) Dù đã nỗ lực, tính đến năm 2012 khoảng 46.000 người đã chết hoặc bị thương với tỷ lệ gần như bằng nhau khi tiếp xúc với bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh (theo kết quả Khảo sát Quốc gia do BCĐ 701 công bố năm 2018 thì con số nạn nhân đã lên tới 104.000 người). Báo cáo cho thấy toàn bộ 63 tỉnh/ thành phố mà cụ thể là 9.116 trong tổng số 11.134 xã (phường, thị trấn) bị ô nhiễm (chiếm 82%), với tổng diện tích ô nhiễm vào khoảng 18.82% diện tích cả nước (được điều chỉnh từ 21% sau khi hoàn thành khảo sát quốc gia về tác động của BMVN còn sót lại sau chiến tranh năm 2015). Cụ thể, ô nhiễm đặc biệt nặng ở 6 tỉnh miền trung và có 26 tỉnh/ thành phố, chủ yếu ở gần biên giới Campuchia và Trung Quốc nơi vốn là các căn cứ quân sự cũ, bị ô nhiễm mìn bộ binh. Tuy nhiên số lượng mìn bộ binh còn sót lại đã giảm nhanh chóng, xuống dưới 5% vào năm 2017, sau khi có các can thiệp rà phá tập trung của lực lượng quân đội.

8) Bộ Quốc phòng (BQP) cho biết, tính đến năm 2009 công tác KPHQBM sau chiến tranh đã tiêu tốn khoảng 100 triệu đô la Mỹ, cộng đồng quốc tế (chủ yếu là các nhà tài trợ song phương và các tổ chức phi chính phủ quốc tế) đã hỗ trợ khoảng 36 triệu đô la Mỹ trong giai đoạn từ 2008 - 2012 và khoảng 46 triệu đô la Mỹ trong giai đoạn 2013 -2017, với mức cao nhất đạt được trong năm 2017 là 13.8 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên, dữ liệu về chi phí và tác động của hoạt động KPHQBM sau chiến tranh của các năm trước đó vẫn còn rất hạn chế.

9) Các tổ chức PCP hỗ trợ hoạt động KPHQBM nhân đạo hướng tới cộng đồng từ năm 2001 và tập trung ở sáu tỉnh miền Trung bị ô nhiễm nặng nhất. Bốn đối tác phi chính phủ chính (Nhóm Hành động bom mìn Đan Mạch, MAG, NPA, và Cây hòa bình Việt Nam) đã phối hợp nhịp nhàng để cung cấp hỗ trợ về kỹ thuật và chính sách từ năm 2001, bao gồm cả hỗ trợ Ban Chỉ đạo Quốc gia 701 (BCĐ 701) và VNMAC trong những năm gần đây. Hầu hết các đối tác hành động bom mìn trong nước là các đơn vị quân đội hoặc các công ty quốc phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Công binh và có xu hướng ưu tiên rà phá phục vụ các dự án đầu tư và phát triển. Nhìn chung cộng đồng quốc tế có rất ít thông tin về các hoạt động này. Các hoạt động/ dự án do Chính phủ tài trợ thông qua Chương trình 504 có xu hướng tập trung vào phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh bị ô nhiễm nặng. Các tổ chức PCP quốc tế hỗ trợ hoạt động rà mìn nhân đạo dưới hình thức tự quản lý nguồn vốn và tự triển khai hoạt động trong sự phối hợp với chính quyền địa phương. Dự án KV-MAP phối hợp với các lực lượng quân đội triển khai hoạt động KPHQBM nhân đạo ở cấp cộng đồng. Chính phủ đã triển khai Kế hoạch Hành động Bom mìn Quốc gia kéo dài 15 năm, bắt đầu từ tháng 4/2010, được chia thành ba giai đoạn 5 năm, hiện chúng ta đang trong giai đoạn 2016 - 2020.

10) Các thỏa thuận thể chế trong lĩnh vực đã phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, có thể kể đến là nỗ lực nâng cao năng lực hành động bom mìn trong lực lượng quân đội hay việc thành lập Trung tâm công nghệ xử lý bom mìn (BOMICEN) vào năm 1996, với tư cách là trung tâm nghiên cứu và phát triển quốc gia dưới sự quản lý trực tiếp từ Bộ Quốc phòng (BQP). Theo báo cáo, có 250 đội rà phá bom mìn trực thuộc Bộ Tư lệnh Công binh đóng quân trên toàn quốc và có khoảng 56 – 70 công ty quốc phòng triển khai rà phá phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển và đầu tư. Bộ LĐ-TBXH đã triển khai các hoạt động hỗ trợ nạn nhân (HTNN) và giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM) chủ yếu ở cấp tỉnh, với nguồn hỗ trợ ổn định từ các tổ chức PCP trong hơn một thập kỷ qua. Một bước tiến khác là việc Bộ LĐ-TBXH thành lập Trung tâm Hành động khắc phục bom mìn Việt Nam (VBMAC) vào năm 2008 với vai trò là cơ quan giám sát dân sự về công tác hành động bom mìn và hợp tác quốc tế với các đối tác/ tổ chức PCP quốc tế; có vai trò về cả điều hành và triển khai hoạt động tại thời điểm thành lập. Nguồn hỗ trợ tài chính đến từ VBMAC cho các hoạt động ở tỉnh còn hạn chế và không thường xuyên, thay vào đó hầu hết tài trợ đến từ các tổ chức PCP quốc tế.

11) Tháng 3 năm 2014, chính phủ đã phê duyệt thành lập Trung tâm Hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam – VNMAC, cùng với Hội hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam (VNASMA) - hoạt động về HTNN và GDPTTNBM, và Quỹ hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam (VNBMAAF) – quỹ ngân sách. Quy định quốc gia và tiêu chuẩn hành động bom mìn Việt Nam đã được thông qua lần lượt vào các năm 2012 và 2014, mặc dù những quy định này vẫn cần sửa đổi để phù hợp với tiêu chuẩn hành động mìn quốc tế (IMAS). Quy trình kỹ thuật quốc gia về khảo sát và rà phá đã được phê duyệt từ năm 2003, tuy nhiên chưa được công nhận rộng rãi, vì vậy các tổ chức PCP quốc tế vẫn đang sử dụng quy trình của riêng họ khi hoạt động tại Việt Nam.

12) Cũng vào tháng 3 năm nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê chuẩn Nghị định 18/2019 về quản lý và thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh. Việc ký duyệt nghị định đã bị trì hoãn vài năm và điều này cản trở những nỗ lực để hiểu và nhận ra đầy đủ vai trò được kỳ vọng của VNMAC. Thông tư hướng dẫn sắp ban hành sẽ làm rõ ít nhất một số trách nhiệm thể chế trong lĩnh vực này (dự kiến sẽ được thông qua khoảng cuối năm 2019).

13) Sự phối hợp liên ngành trong Chính phủ đã được tăng cường vào năm 2018 với việc sáp nhập BCĐ Quốc gia cho Chương trình 504 về Hành động Bom mìn và BCĐ Quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hoá học (Ban Chỉ đạo 33) để tạo thành BCĐ 701 do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, Phó Trưởng ban do bốn Bộ nắm giữ (BQP, Bộ LĐ-TBXH, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chánh Văn phòng Chính phủ). BCĐ 701 được hỗ trợ bởi một Cơ quan Thường trực có Thứ trưởng Bộ Quốc phòng cùng đại diện của bộ LĐ-TBXH làm Trưởng cơ quan. BCĐ 701 có 11 ủy viên cấp thứ trưởng cùng với lãnh đạo của Hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO) và phó giám đốc Cục Khoa học Quân sự. Cấu trúc hiện tại không bao gồm Trung tâm Công nghệ môi trường thuộc Binh chủng Hóa học vì đơn vị này sắp cơ cấu lại để trở thành trung tâm quốc gia về chất độc hóa học, hoạt động ngang hàng với VNMAC.

14) Như vậy, cấu trúc của Ban Chỉ đạo 701 với nhiều bộ ban ngành là minh chứng cho nỗ lực toàn diện của Chính phủ trong lĩnh vực hành động bom mìn, đồng thời cũng chỉ ra những thách thức nhất định trong việc triển khai. BCĐ 701 đã đề ra 04 nhiệm vụ và trách nhiệm bao gồm:

1. Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về khắc phục hậu quả bom mìn và chất độc hóa học sau chiến tranh; các giải pháp huy động, vận động tài trợ nhằm thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để nhanh chóng khắc phục hậu quả bom mìn và chất độc hóa học sau chiến tranh ở Việt Nam;
2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng kế hoạch và chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn và chất độc hóa học sau chiến tranh; điều phối và thực hiện các kế hoạch và chương trình đã được phê duyệt;
3. Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các bộ, ngành và chính quyền địa phương trong việc thực hiện những vấn đề liên ngành về khắc phục hậu quả bom mìn, chất độc hóa học sau chiến tranh;
4. Xây dựng báo cáo thường xuyên, đột xuất về công tác khắc phục hậu quả bom mìn, chất độc hóa học sau chiến tranh ở Việt Nam và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao phó.

15) Đã xây dựng được 04 nhóm nhiệm vụ cụ thể, bao gồm:

1. Nhiệm vụ 1: Soạn thảo tài liệu;
2. Nhiệm vụ 2: Chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ và chất độc hóa học còn sót lại sau chiến tranh. Đã hoàn thành dự án làm sạch chất độc hóa học tại sân bay Đà Nẵng, đang triển khai làm sạch sân bay Phù Cát và Biên Hòa;
3. Nhiệm vụ 3: Chỉ đạo công tác HTNN. Khó khăn trong việc xác định nạn nhân do chiến tranh đã kết thúc từ lâu, tuy nhiên, việc thu thập thông tin về nạn nhân có vai trò rất quan trọng;
4. Nhiệm vụ 4: Chỉ đạo công tác truyền thông, quan hệ quốc tế, huy động nguồn lực, nghiên cứu công nghệ. Báo cáo tình trạng ô nhiễm bom mìn vật nổ sau chiến tranh đã lần đầu tiên được công bố với kết quả toàn bộ 63 tỉnh/ thành phố bị ô nhiễm. Bộ Tài nguyên Môi trường đã đang triển khai kế hoạch lập bản đồ ô nhiễm chất độc hóa học, sử dụng dữ liệu từ bản đồ rải dioxin do Hoa Kỳ cung cấp. BCĐ 701 cũng đã nghiên cứu và phân tích các dữ liệu trên bản đồ.

16) Tháng 3/2019 Thứ trưởng BQP đã tham gia hội đàm về công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh ở trụ sở Liên Hợp Quốc tại New York và bày tỏ mối quan tâm đến các cuộc gặp gỡ cấp cao tương tự, cũng như tham gia các hội nghị quốc tế về hành động bom mìn trong tương tai với vai trò quan sát viên. Việc Việt Nam do dự chưa ký vào Hiệp ước Chống mìn sát thương và Hiệp ước về Bom đạn chùm một phần do quan ngại tình hình an ninh khu vực và một phần do khả năng không đáp ứng được quy định tiêu hủy các loại vật nổ trong vòng 10 năm. Công bố dữ liệu quốc gia, xây dựng chiến lược hành động bom mìn quốc gia và điều chỉnh hướng tới IMAS sẽ là những bước tiến vững chắc đến gần hơn hai công ước quốc tế nói trên. Thêm vào đó việc đánh giá kết quả hoạt động Chương trình 504 vào cuối năm 2019 hoặc đầu 2020, trong đó có hoạt động của VNMAC, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm tới cũng sẽ hỗ trợ xác định mục tiêu cho VNMAC trong giai đoạn 2021 – 2025.

17) Nhóm Đối tác Hành động bom mìn (MAPG) được thành lập tháng 10/2016 nhằm tăng cường phối hợp với các đối tác quốc tế như được trình bày trong cuộc họp đầu tiên của nhóm vào tháng 3/2017. Đến nay vẫn chưa có thêm một cuộc họp nào được tổ chức do có những thay đổi về thể chế từ phía Chính phủ. Đối tác phát triển chính trong lĩnh vực hành động bom mìn là Hoa Kỳ chủ yếu hoạt động thông qua các tổ chức PCP quốc tế; ngoài ra còn một số đối tác song phương khác với mức tài trợ thấp hơn (bao gồm Ireland, Nhật Bản, Na Uy, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh) cũng hoạt động thông qua các tổ chức PCP quốc tế. Với cách tiếp cận tích hợp Hoa Kỳ đã hỗ trợ 04 tổ chức PCP quốc tế hoạt động ở cộng đồng và tạo dựng được quan hệ hợp tác thông qua Nhóm Cộng tác bom mìn (LWG) và uy tín trong lĩnh vực. Hàn Quốc là một đối tác tương đối mới, hoạt động thông qua UNDP trong dự án KV-MAP. Dự án KV-MAP hợp tác chặt chẽ với cố vấn kỹ thuật cao cấp của VNMAC, do Hoa Kỳ tài trợ, cũng như các tổ chức PCP quốc tế khác đang hỗ trợ VNMAC.

18) LWG là nhóm đối tác với sự tham gia của các tổ chức PCP quốc tế và các quan sát viên từ chính phủ để chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực. Tại cuộc họp gần đây nhất vào tháng 12/2018, nhóm đã đưa ra kế hoạch làm việc phối hợp đề xuất cho giai đoạn 2018 - 2020, bao gồm kế hoạch phát triển năng lực cho VNMAC (xem phụ lục 5). Kế hoạch này đã được trình bày với VNMAC vào tháng 2/2019 và đến nay vẫn chưa nhận được phản hồi. Tuy nhiên, hoàn thiện thông tư về các thỏa thuận thể chế trong trong hành động bom mìn hiện đang là yêu cầu cấp bách hơn đối với VNMAC và LWG.

Cần lưu ý rằng cách quản lý của UNPD trong lĩnh vực hành động bom mìn trên toàn cầu sẽ được áp dụng vào Dự án KV-MAP, với ba nguyên tắc sau:

1. Phân tích bối cảnh và đánh giá nhu cầu. Để đảm bảo hiểu rõ tác động của bom mìn vật nổ sót lại sau chiến tranh đối với sự phát triển, và các thông tin liên quan sẽ được cân nhắc khi lựa chọn ưu tiên giữa phục hồi và phát triển. Nội dung đánh giá sẽ bao gồm các chính sách và năng lực thể chế cần thiết để tăng cường việc làm và sinh kế thông qua các chương trình khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh;
2. Lựa chọn các lĩnh vực trọng tâm. Việc lựa chọn và triển khai trên các lĩnh vực trọng tâm sẽ được thực hiện qua đánh giá và phân tích và phù hợp với Kế hoạch chiến lược của UNDP;
3. Tập trung vào kết quả đầu ra. Kết quả đầu ra sẽ là những đóng góp có thể đo lường được đối với sự phát triển và góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp để tạo ra việc làm, phục hồi sinh kế cũng như các chỉ số môi trường và xã hội khác.

19) Dự án KV-MAP có sự phản ánh rõ ràng các nguyên tắc toàn cầu này, với trọng tâm tập trung vào năng lực quốc gia về lập kế hoạch, xác định ưu tiên và giám sát hoạt động. Dự án hoạt động trên bốn trong số năm nội dung chính của hành động bom mìn (Rà phá/ giải phóng đất, HTNN, GDPTTNBM, vận động chính sách) trong phạm vi hai tỉnh nhằm thể hiện kết quả ở cấp cộng đồng trong việc giảm nghèo và thúc đẩy phát triển bền vững. Các kết quả dự kiến của Dự án được chia theo các lĩnh vực sau:

1. Khảo sát và rà phá, GDPTTNBM, HTNN, QLTT
2. Xây dựng chính sách, điều phối ngành và phát triển năng lực
3. Các hội nghị quốc tế

20) Kết quả năm đầu tiên được ghi lại trong Báo cáo tiến độ năm 2018, Báo cáo đã được trình bày tới tất cả các bên liên quan và được Ban Điều phối dự án Chung (ĐPDA Chung) phê duyệt. Cuộc họp hàng tuần của Ban QLDA Chung tại VNMAC giúp đảm bảo đưa ra các quyết định kịp thời đối với các hoạt động của Dự án.

21) Đây là dự án KPHQBM sau chiến tranh đầu tiên ở Việt Nam mà trong đó VNMAC triển khai hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của hành động bom mìn. Hầu hết các dự án khác về cơ bản được thực hiện thông qua các tổ chức PCP quốc tế ở cấp tỉnh hoặc trú trọng vào khía cạnh chính sách, ví dụ như việc VNMAC được các tổ chức PCP quốc tế hỗ trợ hai cố vấn kỹ thuật. Các kết quả mong đợi từ KV-MAP không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với tác động ở cấp tỉnh mà còn trong việc tăng cường năng lực cho VNMAC trong công tác quản lý toàn ngành và củng cố các tiêu chuẩn hoạt động.

22) Dự án nói chung và hoạt động đánh giá năng lực này nói riêng có nhiều ý nghĩa quan trọng đối với KOICA, nó cung cấp kinh nghiệm làm việc với các đơn vị nhà nước, thay vì các tổ chức PCP quốc tế, và với UNDP. Là một trong những dự án lớn nhất trên toàn cầu và là dự án thứ hai trong lĩnh vực hành động bom mìn của KOICA, do vậy tiến triển của dự án cần được phản ánh thông qua các chỉ số phù hợp và KOICA sẽ cân nhắc khả năng tiếp tục hỗ trợ trong lĩnh vực hành động bom mìn sau hai năm triển khai dự án. Các chỉ số tác động ở cấp cộng đồng đóng vai trò đặc biệt quan trọng, vì vậy cần chú trọng vào các mối quan hệ ở cấp tỉnh, tính hiệu quả của công nghệ / hệ thống được sử dụng trong Dự án nhằm cải thiện kết quả ở cấp quốc gia.

23) Kết quả đánh giá dựa trên kết quả phân tích phạm vi và thông tin thu được qua bài tập tự đánh giá. Bài tập tự đánh giá được xét trong bối cảnh về hành động bom mìn và kết quả phân tích phạm vi.

**BỐI CẢNH:**

24) VNMAC được thành lập năm 2014 qua Quyết định 319 nhằm hỗ trợ Ban Chỉ đạo 504. Mặc dù VNMAC là cơ quan điều phối hành động mìn cấp quốc gia, nhưng theo báo cáo, hoạt động của trung tâm mới chỉ nằm trong phạm vi chương trình 504. Nghị định ban hành tháng 3/2019 chỉ đề cập đến VNMAC trong vai trò quản lý hệ thống thông tin quốc gia và tiếp nhận báo cáo từ các đơn vị hoạt động trên toàn quốc. Hầu hết các nội dung khác trong hành động bom mìn được giao cho BQP mà không có hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện hoặc ủy quyền.

25) Thông thư hướng dẫn kèm theo nghị định hiện đang được soạn thảo sẽ cần làm rõ hơn vai trò và trách nhiệm của VNMAC. Tuy nhiên, nhận định ban đầu thì VNMAC có thể sẽ đóng vai trò khá hạn chế cụ thể là trong việc cấp chứng chỉ hoạt động KS&RP hay phê duyệt các dự án về hành động bom mìn có nguồn tài trợ từ quốc tế. Do vậy, để nhận ra vai trò đầy đủ của một trung tâm hành động bom mìn quốc gia – theo cách hiểu của cộng đồng quốc tế, sẽ cần cả một quá trình nâng cao năng lực thông qua quá trình hợp tác làm việc với các tổ chức quốc tế.

26) Mặc dù vậy cấu trúc hiện tại của VNMAC với bốn phòng ban chức năng (kế hoạch và điều phối, quan hệ quốc tế, kỹ thuật và tài chính) và ba trung tâm kỹ thuật (Trung tâm đào tạo, Trung tâm Tư vấn khảo sát & Giám sát chất lượng, Trung tâm Cơ sở dữ liệu) là phù hợp để đảm nhận vai trò điều phối ngành.

27) Theo báo cáo từ Chính phủ, trong giai đoạn từ 2011 – 2015 của Kế hoạch Quốc gia về Hành động bom mìn, VNMAC đã hoàn thành xây dựng trụ sở, hoàn thành nhập và xử lý dữ liệu về “Khảo sát tác động của bom mìn vật nổ”, vận hành Trung tâm Cơ sở dữ liệu quốc gia, hoàn thành và đệ trình xin phê duyệt một chương trình nghiên cứu và phát triển; tham gia và phối hợp cùng các tổ chức quốc tế để tổ chức các hoạt động đào tạo về quản lý và triển khai hoạt động cho các bên liên quan.

28) Ngoài các dự án rà phá bom mìn đã được phê duyệt cho mục đích phát triển kinh tế xã hội, Chương trình 504 đã sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai rà phá bom mìn ở 19 tỉnh có mật độ ô nhiễm cao trong giai đoạn 2011-2015 với tổng diện tích đã rà phá là 50.000 ha. Mục tiêu cho giai đoạn 2016 -2020 là thực hiện rà phá khoảng 200.000 héc-ta phục vụ phát triển kinh tế xã hội, tập trung vào khu vực miền Trung, Tây Nguyên, khu vực biên giới phía Bắc và Tây Nam.

29) Các ưu tiên chính của VNMAC trong giai đoạn 2016 - 2020 là: hoàn thiện và ban hành nghị định về quản lý các hoạt động KPHQBM sau chiến tranh và thông tư hướng dẫn thực hiện, quy định về quản lý thực hiện Chương trình 504, quy định về huy động, tiếp nhận và sử dụng kinh phí để thực hiện Chương trình 504; đề xuất xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan; hoàn thành việc xây dựng trụ sở của VNMAC với đầy đủ thiết bị và phương tiện hoạt động; triển khai nghiên cứu địa điểm (đào tạo trên đất liền và dưới nước) cho trung tâm đào tạo.

30)VNMAC cũng sẽ xây dựng và triển khai hoạt động của Trung tâm Cơ sở dữ liệu Quốc gia và các cơ sở dữ liệu cấp khu vực và cấp tỉnh; tăng cường huy động nguồn lực, ký kết các biên bản ghi nhớ, các thỏa thuận và kế hoạch kêu gọi tài trợ/ hỗ trợ không hoàn lại từ các tổ chức, các nhà tài trợ chính phủ hoặc các cá nhân trong nước và quốc tế.

31) Kế hoạch cho giai đoạn 2016 – 2020 là triển khai các chương trình sau:

* + - 1. Xây dựng và triển khai quy trình quản lý chất lượng;
      2. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị ngân sách và triển khai dự án khảo sát kỹ thuật dựa trên kết quả khảo sát về tác động của bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh;
      3. Tăng cường năng lực cho 2 cơ sở nghiên cứu và 2 cơ sở sản xuất để thiết kế và sản xuất thiết bị rà phá bom mìn trong nước với giá cả hợp lý và chất lượng tốt. Thực hiện các đề xuất về phát triển công nghệ và thiết kế / sản xuất thiết bị rà phá bom mìn;
      4. Xây dựng, trình phê duyệt và thực hiện các dự án nâng cao năng lực về quản lý, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thiết kế và mua sắm thiết bị. Tiến hành nghiên cứu phân loại các đối tác theo lĩnh vực hoạt động.

32) Thông tin về đến tiến độ của các chương trình nêu trên còn khá hạn chế, chỉ có một số được nhắc đến trong phần bài tập tự đánh giá được trình bày ở phần sau của báo cáo.

**“Hơn 30 năm đã qua kể từ khi chiến tranh kết thúc, người dân vẫn làm ăn và sinh sống trong điều kiện BMVN còn nằm sâu trong lòng đất, thậm chí ngay dưới móng nhà nơi cư trú hàng ngày. Người dân Việt Nam đã phải học cách sống chung một cách an toàn với BMVN sót lại sau chiến tranh. Chung sống với BMVN, chấp nhận cuộc sống có rủi ro thể hiện đặc trưng cộng đồng cần được lưu ý trong mọi nghiên cứu đánh giá tác động của BMVN. Khả năng thích ứng của cộng đồng với nguy cơ rủi ro cũng như những khó khan cản trở trong cuộc sống khi khai thác nguồn lực tự nhiên bị ô nhiễm bom mìn khó có thể thống kê đầy đủ qua một cuộc điều tra. Trong bối cảnh đó, khả năng tránh được những tai nạn về BMVN là một chỉ báo quan trọng thể hiện quá trình nhận thức, học hỏi và phát triển của người dân khi chung sống trong môi trường ô nhiễm BMVN.” (Trích dẫn mục 4.1.2, Báo cáo hiện trạng tồn lưu, ô nhiễm bom mìn vật nổ sau chiến tranh ở Việt Nam, do VNMAC công bố năm 2016)**

**PHÂN TÍCH CÁC HẠN CHẾ**

33) Lĩnh vực hành động bom mìn ở Việt Nam đã nhận được sự quan tâm rộng rãi từ cộng đồng quốc tế và được cập nhật theo năm qua một số báo cáo. Cụ thể, vào tháng 12/2016 cố vấn kỹ thuật do Hoa Kỳ tài trợ cho VNMAC đã thực hiện Báo cáo Đánh giá năng lực và nhu cầu, đề cập đến các hạn chế chính trong lĩnh vực. Nội dung này cũng được đề cập đến trong bài phân tích của nhóm LWG trình bày vào tháng 12/2018. Tổng hợp từ các tài liệu nói trên và một số tài liệu khác, các hạn chế chính trong hành động bom mìn có thể được tóm tắt như dưới đây:

* + - 1. Thiếu rõ ràng và minh bạch trong xử lý các thông số chung của ngành, gây khó khăn cho việc xác định can thiệp và ưu tiên đầu tư, thiếu dữ liệu hoặc bằng chứng để xác định các yêu cầu năng lực và lập kế hoạch phát triển năng lực. Những hạn chế về tính minh bạch, độ linh hoạt trong việc xác định ưu tiên, quy trình vận hành và QLCL theo quy định của BQP trong mối tương quan với các tiêu chuẩn của LHQ và công ước quốc tế;
      2. Định nghĩa và cơ cấu tổ chức ngành còn chưa rõ ràng khi xét trong tương quan với các tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt chưa làm rõ giữa rà mìn nhân đạo với các can thiệp phục vụ phát triển/ thương mại và chưa xác định được cách giải quyết hậu quả bom mìn sau chiến tranh một cách bền vững về lâu về dài;
      3. Dù BQP vẫn đóng vai trò chủ đạo trên tất cả các lĩnh vực của ngành, vai trò và trách nhiệm của BCĐ 701, Chương trình 504, BOMICEN và VNMAC vẫn chưa được làm rõ. Vai trò điều phối của Nhóm Đối tác Hành động bom mìn (MAPG) còn chưa hiệu quả do sự phối hợp chưa nhịp nhàng giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và BQP;
      4. Thông tin về vai trò, cơ cấu tổ chức và đường hướng hoạt động của VNMAC còn hạn chế; nghị định mới về công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh đã làm rõ phần nào, nhưng vẫn cần có thông tư hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm và vai trò của các thể chế liên quan, đặc biệt là ở cấp tỉnh.

34) Các hành động ưu tiên đã được xác định trong các tài liệu kể trên bao gồm:

1. Phê duyệt khung pháp lý và xây dựng thông tư để làm rõ các nhiệm vụ và trách nhiệm về mặt thể chế;
2. Xây dựng các quy định và tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế;
3. Cung cấp bằng chứng về kết quả và phạm vi mở rộng rà phá, nêu rõ tác động đến quá trình lập kế hoạch, xác định ưu tiên và năng lực cần có để đạt được kết quả mong đợi; tập trung vào năng lực quản lý thông tin và ứng dụng QLTT vào công tác lập kế hoạch và đầu tư theo các hướng dẫn về ưu tiên đã được rà soát lại;
4. Thiết lập hệ thống QLCL quốc gia dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế và sử dụng phương pháp khảo sát đối với bom đạn chùm;
5. Tăng cường nâng cao nhận thức về hiểm họa bom mìn, rà soát lại cơ chế hỗ trợ nạn nhân và GDPTTNBM trong bối cảnh thể chế và chiến lược quốc gia rõ ràng;
6. Với các nội dung nêu trên, cân nhắc chiến lược huy động nguồn lực và kế hoạch hành động áp dụng cho các đối tác tài trợ trong và ngoài nước, năng lực giám sát và đánh giá được tăng cường cùng năng lực báo cáo và điều phối hoạt động.
7. Xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ cấu năng lực một cách chi tiết, đặc biệt năng lực của VNMAC có thể được cải thiện qua việc phát triển/ đẩy mạnh hoạt động của trung tâm đào tạo.

35) Một số trở ngại đã được giải quyết, một số khác thì chưa và đặc biệt có một số trở ngại còn cần đến quyết định của Chính phủ. Nghị định 18 được thông qua là một khích lệ lớn đối với tất cả các bên liên quan trong nỗ lực triển khai nghị định, các bước triển khai cụ thể đã được nêu trong dự thảo về nâng cao năng lực cho VNMAC do nhóm LWG xây dựng (xem phụ lục 5). Dự thảo do LWG xây dựng là bước khởi đầu vững chắc và đề xuất được cách tiếp cận tích hợp với các bên liên quan nhằm giải quyết các trở ngại kể trên.

36) Trong các hành động ưu tiên kể trên, BCĐ 701 đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các cơ quan Chính Phủ và BQP. Nhìn chung, Văn phòng BCĐ 701 cho thấy VNMAC có vai trò tích cực trong hỗ trợ các cơ quan nhà nước như đã được đề cập trong Nghị định 18, đặc biệt là đối với BQP; tuy nhiên sẽ cần thời gian để VNMAC có thể hoàn thành vai trò này do còn nhiều hạn chế. Dưới đây là một số gợi ý giúp VNMAC khắc phục.

1. Xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu là năng lực cần được ưu tiên đầu tiên, và Nghị định cũng đã yêu cầu rõ về việc không chỉ các hoạt động trong chương trình 504 mà toàn bộ hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn cần được báo cáo VNMAC, vì vậy ưu tiên hàng đầu là xây dựng ngay kế hoạch quản lý thông tin quốc gia;
2. Công tác đảm bảo chất lượng là ưu tiên số 2, trong bối cảnh tiêu chuẩn quốc gia sẽ được sửa đổi cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và VNMAC sẽ là cơ quan giám sát đảm bảo các đối tác hoạt động trên lĩnh vực tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, đồng thời nâng cao chất lượng báo cáo đưa vào hệ thống. Hiện Bộ Tư lệnh Công binh là đơn vị cấp giấy phép hoạt động cho các lực lượng rà mìn quân đội, tham chiếu theo tiêu chuẩn và quy định quốc gia. Tuy nhiên, vai trò này cũng nên được xem xét lại, chẳng hạn BQP có thể chuyển đổi một số chức năng sang VNMAC (thông tư 121 về quy chuẩn quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ) khi cơ quan này đã có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong tương lai;
3. Năng lực hiện tại của trung tâm đào tạo còn hạn chế, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật, hiện nội dung này được thực hiện với sự hỗ trợ từ bên ngoài. Vì vậy, khuyến khích đầu tư vào các trường cao đẳng kỹ thuật của Bộ Tư lệnh Công binh để đào tạo nhân sự mới, và đầu tư vào Bộ Tư lệnh Công Binh để tăng cường công tác chứng nhận năng lực khảo sát và rà phá. Tuy nhiên phương án này không thúc đẩy huy động đầu tư vào trung tâm đào tạo của VNMAC;
4. Hiện tại chưa rõ liệu VNMAC có khả năng điều phối hiệu quả ở cấp quốc gia, bao gồm cả việc huy động nguồn lực cho hành động bom mìn. Vì vậy Văn phòng BCĐ 701 vẫn đang đảm nhiệm một số chức năng này. Tuy nhiên cần xem xét để không trì hoãn kế hoạch nâng cao năng lực cho VNMAC thêm nữa, để cơ quan này tiếp tục hỗ trợ ở cấp quốc gia đối với các hoạt động KPHQBM sau chiến tranh.

37) VNMAC cho rằng Quyết định 319 và Nghị định 18 đã làm rõ vai trò chính của Trung tâm là “cơ quan thực hiện điều phối hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh” (Điều 47, Nghị định 18). Do đó vấn đề nêu ở điểm iv có thể xuất phát từ một trong số nguyên nhân: thiếu một nhiệm vụ chính thức và thiếu cơ sở pháp lý, hiện Nghị định 18 có thể đã giải quyết được phần nào; hoặc có thể do VNMAC chưa nhận thức đầy đủ hoặc thiếu năng lực để thực hiện các chức trách được giao, do vậy các trách nhiệm này hiện vẫn do cơ quan khác đảm nhiệm; hoặc do thiếu động lực thay đổi cơ cấu tổ chức trong quân đội để tạo điều kiện cho một trung tâm hành động mìn quốc gia hoạt động trên cả lĩnh vực dân sự. Tất cả các lý do trên đều có thể là nguyên nhân cho tình trạng hiện tại và sẽ cần sự quản lý mạnh mẽ hơn của chính quyền trung ương để làm rõ vai trò thực sự của VNMAC.

38) Nghị định 18 đã làm rõ một số nội dung, đặc biệt là trong công tác QLTT. Thông tư hướng dẫn đi kèm được kỳ vọng sẽ làm rõ các nội dung cần thiết để VNMAC nhận thức đầy đủ vai trò của Trung tâm, đặc biệt trong mối quan hệ với BTL Công Binh. Để phục vụ cho mục đích đánh giá, VNMAC đã được đặt trong giả thiết là cơ quan quốc gia đi đầu trong công tác KPHQBM sau chiến tranh. Giả thiết này được đưa ra dựa trên bối cảnh hiện tại về vai trò chức năng của các đối tác liên quan trong mối tương quan với VNMAC. Giả thiết này sẽ cần xem xét lại sau khi thông tư và chiến lược dài hạn của quốc gia được ban hành, bởi trong đó sẽ nêu rõ chức năng và nhiệm vụ vủa VNMAC. VNMAC có thể coi đây là một bước thử về sự quan tâm ở cấp nhà nước trong việc tăng cường vị thế của VNMAC trong tầm nhìn trung hạn.

39) Điều đáng nói là VNMAC mới được thành lập năm 2014 và thực tế đi vào hoạt động hiệu quả được khoảng 3 năm. Có nhiều thành tựu cũng như thách thức trong việc nhận ra tiềm năng đầy đủ của VNMAC như một trung tâm hành động mìn quốc ra trong thời gian ngắn như vậy. Hy vọng bài tập tự đánh giá năng lực sẽ cung cấp cho ban lãnh đạo và nhân viên VNMAC cơ hội bày tỏ quan điểm của họ về các năng lực cần thiết và đề xuất giải pháp để đạt được những năng lực đó một cách thiết thực nhất trong thời gian tới.

**HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA VNMAC**

40) Các phân tích ở trên nhằm cung cấp bối cảnh cho hoạt động tự đánh giá năng lực. Các vấn đề cốt lõi của VNMAC được phát triển trong Bài tập 3 về đánh giá năng lực, dựa trên kết quả của bài tập 1 về tầm nhìn & chiến lược và bài tập 2 về các đối tác trong lĩnh vực. Các câu hỏi về đánh giá năng lực của VNMAC trình bày trong Phụ lục 7 được xác định thông qua thảo luận, trao đổi cũng như phỏng vấn nhóm và nhân viên đại diện từ các phòng ban. Các câu hỏi này đã được cập nhật và hoàn thiện về cả nội dung và hình thức sau khi trao đổi với cấp lãnh đạo của VNMAC, tuy nhiên hạn chế về mặt thời gian đã không cho phép chuyên gia rà soát lại và sắp xếp các vấn đề cốt lõi ưu tiên.

41) Nội dung đánh giá năng lực VNMAC được trình bày trong 20 vấn đề cốt lõi, chia theo 4 chủ đề chính (môi trường thuận lợi, nâng cao năng lực thể chế, năng lực kỹ thuật và năng lực chức năng) tương tự như trong bảng hỏi tự đánh giá. Mỗi vấn đề cốt lõi lại được phân tích ở 6 khía cạnh:

1. Chỉ số chính: do chuyên gia đánh giá xác định và điều chỉnh qua phản hồi thu được từ bài tập tự đánh giá.
2. Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích: được xác định bằng điểm số trung bình thu được qua bài tập đánh giá nhằm làm rõ hơn các khoảng cách năng lực lớn nhất và các ưu tiên có thể có để thay đổi.
3. Năng lực hiện tại: được lấy trực tiếp từ kết quả bài tập tự đánh giá do các cán bộ VNMAC thực hiện, chuyên gia chỉ loại bỏ các câu trả lời trùng lặp hoặc những câu trả lời không liên quan trong trường hợp hiểu chưa rõ câu hỏi.
4. Năng lực tương lai: được lấy trực tiếp từ kết quả bài tập tự đánh giá do các cán bộ VNMAC thực hiện, chuyên gia chỉ loại bỏ các câu trả lời trùng lặp hoặc những câu trả lời không liên quan trong trường hợp hiểu chưa rõ câu hỏi.
5. Đánh giá: là nội dung do chuyên gia đánh giá cùng UNDP tổng hợp từ các nguồn khác nhau nhằm đưa ra các nhận định và khuyến nghị phù hợp
6. Can thiệp chiến lược: nhận định và các khuyến nghị để nâng cao năng lực.

**Ⅲ. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VNMAC VÀ CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG**

* + - * 1. **Môi trường thuận lợi**

1. **Vấn đề cốt lõi số 1: Đóng góp của VNMAC, với vai trò được xác lập của mình, vào công tác xây dựng chiến lược và tầm nhìn về lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Năng lực lãnh đạo của VNMAC trong công tác xây dựng chiến lược khắc phục hậu quả bom mìn dài hạn, với mục tiêu không còn bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh và đóng góp vào hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc (LHQ). | | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Hành động này được xếp hạng ở vị trí ưu tiên thứ 3, với nhu cầu hiểu được tác động của các yếu tố mục tiêu (công nghệ, ngân sách, năng lực và nhu cầu) được xem là khoảng cách lớn nhất ảnh hưởng đến năng lực xây dựng chiến lược dài hạn. | |
| **Năng lực hiện tại:** Theo quan điểm của các cán bộ VNMAC, VNMAC là một cơ quan mới được thành lập nhưng lại đảm nhận nhiều trọng trách trong công tác tham mưu, điều phối và thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn theo Quyết định 319 được ban hành năm 2014. VNMAC hiện đang triển khai các hoạt động theo kế hoạch hoạt động của Chương trình 504, giai đoạn 2010 – 2025. Các nhân sự chủ chốt có kiến thức phù hợp và được đào tạo bài bản để triển khai kế hoạch và ngân sách trong giai đoạn 5 năm hiện tại và một số dự án được tài trợ khác. Tuy nhiên khối lượng công việc là rất lớn và cần huy động thêm nguồn lực (nhân sự và vật lực) cũng như đào tạo chuyên sâu thêm để nâng cao năng lực phân tích. VNMAC có mối quan hệ hợp tác tốt với các tổ chức quốc tế có chuyên môn kỹ thuật để tư vấn và tập huấn cho các cán bộ VNMAC, nhưng về tổng thể, việc điều phối với các tổ chức có liên quan vẫn chưa được toàn diện. Tác động đối với cộng đồng từ các kết quả công việc do VNMAC thực hiện còn chưa rõ ràng. VNMAC chưa có đủ thẩm quyền cần thiết trong một số lĩnh vực và điều này cũng được thể hiện trong Nghị định 18 được ban hành vào tháng 3/2019. Trong khi các chương trình đang được thực hiện sẽ có rất nhiều sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ và hệ thống trong lĩnh vực hành động bom mìn và điều này cũng dẫn đến có sự khác biệt trong tư duy và hành động trong nội bộ VNMAC. | |
| **Năng lực trong tương lai**: Trong bối cảnh Nghị định 18 đã được ban hành vào tháng 03/2019, trong đó nêu rõ VNMAC là trung tâm hành động bom mìn quốc gia, và Thông tư hướng dẫn đi kèm đang dự thảo cần làm rõ các nội dung liên quan để VNMAC hoàn thành các nhiệm vụ được giao. VNMAC có nhu cầu về tập huấn xây dựng thông tư, cơ chế và các thể chế. Các cán bộ VNMAC cần hiểu rõ cần có sự củng cố đồng bộ về nhân sự, cơ sở vật chất và ngân sách để hiện thực hóa các nhiệm vụ này. Một chiến lược rõ ràng sẽ cung cấp hướng dẫn về cách triển khai công tác khắc phục hậu quả bom mìn tại cộng đồng, kết hợp với việc đánh giá thường xuyên để cải thiện tác động cũng như nâng cao sự hiểu biết về hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam, rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai và điều chỉnh để đáp ứng được các nhu cầu trong tương lai. | |
| **Đánh giá và đề xuất** | | **Đánh giá:** Việc xây dựng chiến lược hành động bom mìn cần nhấn mạnh tầm quan trọng về việc cần có một cái nhìn dài hạn để giải quyết tình trạng ô nhiễm còn sót lại càng sớm càng tốt. Trong trường hợp của Việt Nam với khoảng 45 năm ô nhiễm và quy mô đạn dược được sử dụng; dự đoán rằng với năng lực hiện tại và ước tính ô nhiễm hiện có, cần phải mất rất nhiều thập kỷ nữa để giải quyết tình trạng ô nhiễm còn sót lại (ước tính dao động khoảng trong thời gian 2080 đến 2100) . Trong quá trình xây dựng chiến lược hành động bom mìn, điều quan trọng là phải đánh giá tác động khả dĩ trong việc rút ngắn khung thời gian của các yếu tố như thay đổi công nghệ, mức tăng ngân sách, năng lực hoàn thành các kết quả đầu ra và sự thay đổi nhu cầu cũng sẽ ảnh hướng đến các tiêu chí ưu tiên. Thu thập dữ liệu có vai trò then chốt trong việc phân tích, và sự kiện năm 2018 Chính phủ công bố kết quả điều tra và khảo sát quốc gia ô nhiễm vật nổ sau chiến tranh thực hiện năm 2016 là một bước tiến trong việc tiếp cận thông tin. Đáng tiếc là, trong khi có nhiều thông tin về tình trạng ô nhiễm, về HTNN và GDPTTNBM, thực tế lại có rất ít các thông tin về hoạt động khảo sát và rà phá cũng như các tác động đối với cộng đồng. Cần tiến hành thêm các nghiên cứu trong bối cảnh chuẩn bị cho một chiến lược dài hạn. Việc này đòi hỏi cần có sự tiếp cận dữ liệu của BQP về các vùng đất đã được làm sạch và bàn giao, cũng như về các hoạt động khảo sát gần đây và tác động của các hoạt động này đối với các ước tính ô nhiễm.  Một khía cạnh khác của chiến lược là việc Việt Nam xem xét cân nhắc ý nghĩa của việc tham gia hai công ước quốc tế liên quan đến công tác hành động bom mìn. Việc đưa những điều này vào chiến lược sẽ giúp lý giải cho việc cần nhiều thời gian hơn để đầu tư và để giải quyết được tình trạng ô nhiễm còn lại cũng như tăng cường các lập luận nhằm kêu gọi tăng quy mô hỗ trợ quốc tế. Một xem xét khác trong chiến lược là khả năng cử các đội thuộc lực lượng rà phá bom mìn của Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ. Để thực hiện được điều này, yêu cầu cần đạt được chứng chỉ hoạt động theo tiêu chuẩn hành động bom mìn quốc tế (IMAS). |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Xây dựng chiến lược KPHQBM dài hạn, tăng cường năng lực và vai trò của VNMAC trong việc đóng góp xây dựng chiến lược dài hạn này. Sử dụng kết quả rà soát chiến lược hoạt động 5 năm hiện tại – sẽ hoàn thành vào cuối năm 2019 làm cơ sở dữ liệu cho chiến lược KPHQBM. Để thực hiện được điều này, VNMAC cần cắt cử cán bộ có năng lực làm việc ngắn hạn cùng với sự hướng dẫn từ các tổ chức quốc tế và việc này cần được Văn phòng BCĐ 701 cho phép thực hiện để có cơ sở kêu gọi các đối tác có liên quan cùng tham gia. Khi Chiến lược được dự thảo xong, và trong bối cảnh xây dựng Thông tư hướng dẫn cho Nghị định 18, cần có sự hỗ trợ cho VNMAC nhằm xây dựng một tài liệu về tầm nhìn/sứ mệnh/cấu trúc/năng lực để trình lên Chính phủ phê duyệt. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 2: Chuẩn bị Kế hoạch 5 năm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Năng lực lãnh đạo của VNMAC trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động 5 năm giai đoạn 2021 – 2025, tích hợp toàn bộ với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở cấp quốc gia và cấp Tỉnh | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Được xếp hạng là ưu tiên thứ 7, với một yếu tố quan trọng cần được nhấn mạnh; năng lực hạn chế trong việc thực hiện đánh giá kết quả của các kế hoạch đã thực hiện. |
| **Năng lực hiện tại:** VNMAC đang triển khai thành công kế hoạch hoạt động hiện tại của giai đoạn 2016 – 2020 và cũng đã tham gia thực hiện các kế hoạch trước đó. Tại thời điểm thực hiện đánh giá năng lực, cơ quan cấp tỉnh hiện chưa có vai trò lập kế hoạch, và việc phối hợp giữa các phòng, ban và trung tâm cần được cải thiện, cũng như có thể tham vấn với các đối tác quốc tế liên quan để được tăng cường hỗ trợ. [[1]](#footnote-1) |
| **Năng lực trong tương lai:** Để cải thiện mục tiêu và kết quả của kế hoạch, cần có sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế và các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước trong việc tổng hợp các kết quả có tác động đến sự phát triển kinh tế ở cộng đồng, trong việc huy động thêm nguồn lực, nâng cao năng lực lập kế hoạch KPHQBM ở cấp tỉnh và đào tạo cán bộ để cải thiện tác động dài hạn của hoạt động KPHQBM. Cần có thêm sự hỗ trợ đến tất cả các cấp từ quản lý đến nhân viên,và tổ chức thêm nhiều hoạt động tập huấn quốc tế để xây dựng và triển khai kế hoạch 5 năm, xây dựng các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, đạt được sự đồng thuận giữa các cơ quan cấp tỉnh và các cơ quan cấp quốc gia. Đối với kế hoạch 5 năm, VNMAC dự kiến rà soát các kết quả đã đạt được để xây dựng tiếp kế hoạch cho giai đoạn 2021 – 2025, mặc dù còn thiếu các hướng dẫn cụ thể cho công tác đánh giá và kinh nghiệm lập kế hoạch cũng còn hạn chế. Các công việc rà soát và các bài học kinh nghiệm cần được phân tích để nâng cao hiệu suất hoạt động. Những hạn chế liên quan đến ngân sách và năng lực cũng cần được đề cập rõ. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Trong bối cảnh chiến lược KPHQBM dài hạn, điều quan trọng là cần xem xét làm thế nào lập thứ tự ưu tiên các hoạt động KPHQBM trong khi vẫn đảm bảo phản ánh được nhu cầu của các tỉnh thành khác nhau. Công tác hành động bom mìn nhân đạo cần được ưu tiên thực hiện ở 06 tỉnh miền trung bị ô nhiễm nặng, tuy nhiên cũng cần xem xét các nhu cầu làm sạch đất phục vụ mục đích thương mại và phát triển đang ngày càng tăng lên đáng kể. Chiến lược nên phân tích dữ liệu về phạm vi nhu cầu theo thời gian và ưu tiên phân bổ nguồn lực và đất đai được giải phóng nhằm phản ánh/đáp ứng kết quả của phân tích đó. Trong bối cảnh tăng trưởng GDP dài hạn, đô thị hóa, và ưu tiên không-để-ai-bị-bỏ-lại-phía-sau của các mục tiêu phát triển bền vững, Chính phủ cần cung cấp hướng dẫn về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cho các ưu tiên trong hoạt động KPHQBM. Do một số tỉnh bị ô nhiễm nặng cũng đồng thời là các tỉnh nghèo nhất của Việt Nam, Chính phủ cần có giải pháp đầu tư vào các dự án phát triển bền vững hỗ trợ cộng đồng nhằm tận dụng tối đa lợi ích thu được từ đất được làm sạch. Tính minh bạch trong việc đưa ra các quyết định ưu tiên cần được đảm bảo trong quá trình phát triển tích hợp dựa trên các mục tiêu phát triển bền vững.  Một phần trọng yếu cần được rà soát đó là năng lực của VNMAC trong triển khai giám sát và báo cáo dựa trên kết quả đạt được thay vì chỉ dựa trên việc liệt kê các hoạt động và ngân sách đã chi tiêu. Nếu việc quản lý dựa trên kết quả là khả thi, nhu cầu thực hiện rà soát kết quả định kỳ và độc lập, bao gồm cả phản hồi từ người thụ hưởng về tác động của việc làm sạch đất, nên được xem xét thêm. Một cơ chế giám sát hiệu quả cũng sẽ lý giải cho việc đánh giá hàng năm các ưu tiên dựa trên kết quả và các bối cảnh thay đổi. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Hỗ trợ VNMAC đánh giá kết quả kế hoạch 5 năm hiện tại và chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm mới giai đoạn 2021-2025, với khuyến nghị đánh giá kết quả và tác động ở cấp xã và cấp tỉnh, phân tích dữ liệu về các tỉnh trong diện được ưu tiên và áp dụng các quy trình tham vấn toàn diện. Cần bổ sung thêm năng lực chuyên môn cho VNMAC để thực hiện nội dung này nhằm hỗ trợ công tác đánh giá, lập kế hoạch và phân tích thứ tự ưu tiên, với sự phối hợp từ các đối tác quốc tế để đạt được mục tiêu vào cuối năm 2019 hoặc theo sự thành lập của Ban chỉ đạo 701. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 3: Lập thứ tự ưu tiên trong các hoạt động khảo sát và rà phá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Quy định quốc gia về tiêu chí ưu tiên trong KS&RP ở cấp tỉnh được phê duyệt và đưa vào áp dụng, đặc biệt là ở các tỉnh bị ô nhiễm nặng | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này không được xếp là ưu tiên. |
| **Năng lực hiện tại:** Cán bộ VNMAC có nhiều kinh nghiệm triển khai khảo sát và rà phá trong khuôn khổ chương trình 504 cũng như triển khai kế hoạch ở cấp tỉnh. Tuy nhiên, VNMAC cần được bổ sung thêm nguồn lực và các hình thức tập huấn nhằm nâng cao năng lực và giải quyết một số hạn chế còn tồn đọng và cần có phương pháp tiếp cận toàn diện hơn. |
| **Năng lực trong tương lai:** Các vấn đề cần được giải quyết bao gồm: giám sát đảm bảo hoạt động ở cấp tỉnh được thực hiện theo các tiêu chí ưu tiên từ cấp xã, dữ liệu nhập vào hệ thống chưa cập nhật hoặc chưa chính xác, và giới thiệu các quy trình thương mại vào hoạt động KSKT. Việc liên kết giữa các dự án với các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội đã được các cấp chính quyền xác minh và các kế hoạch hoạt động được xây dựng trên cơ sở đánh giá về mức độ ô nhiễm. Hướng dẫn thực hiện cần chủ động hơn nhằm tuân thủ theo kế hoạch đã đề ra. Bổ sung nhân sự và đào tạo cán bộ, tăng cường nguồn lực tài chính quốc tế cho các khu vực bị ô nhiễm nặng, với ưu tiên dành cho khu vực phát triển kinh tế - xã hội mới trong khi vẫn đảm bảo triển khai đến tất cả các tỉnh và thành phố theo yêu cầu; cải thiện công táclập kế hoạch và giám sát ở cấp tỉnhvà đạt được sự đồng thuận về các tiêu chí ưu tiên. Xây dựng kế hoạch dựa trên các kinh nghiệm rút ra từ thực tế triển khai. Cần cải thiện các kế hoạch hoạt động hàng năm và năng lực thực hiện thông qua việc tăng cường hợp tác chặt chẽ với chính quyền cấp tỉnh, liên kết hiệu quả hơn giữa các dự án, có cơ chế tăng cường hợp tác với các tổ chức hỗ trợ, đào tạo cán bộ về lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá**: Tại Việt Nam, chưa có sự phân tách rõ ràng trong lĩnh vực KPHQBM về công tác hành động mìn nhân đạo so với các can thiệp phát triển. Vì vậy, việc tổ chức tham vấn về xây dựng chính sách chi tiết (có thể lồng ghép trong quá trình xây dựng chiến lược hoạt động) sẽ giúp đạt được sự đồng thuận với cộng đồng quốc tế về các định nghĩa và các tiêu chí ưu tiên phù hợp với Việt Nam. Dự án KV-MAP có thể hỗ trợ quá trình này cùng với các bên cố vấn khác, bởi Dự án hiện đang phối hợp trực tiếp với Chính phủ triển khai KPHQBM nhân đạo trên địa bàn 2 tỉnh, và nếu nhận được sự đồng thuận, sẽ đề xuất áp dụng rộng rãi cách tiếp cận này vào các hoạt động KPHQBM khác sử dụng ngân sách nhà nước. Điều này cũng đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh Chính phủ, theo kế hoạch Chương trình 504, chuẩn bị hỗ trợ tài chính cho hoạt động KPHQBM nhân đạo thêm cho 6 tỉnh từ năm 2020, mà dường như là dựa trên phương pháp tiếp cận tích hợp của dự án KV-MAP. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Hỗ trợ VNMAC tổ chức tham vấn về nâng cao năng lực lập kế hoạch và lập thứ tự ưu tiên ở cấp tỉnh, xác định bộ tiêu chí chuẩn cho hoạt động can thiệp đặc biệt ưu tiên và các hoạt động KS&RP khác trong một quy trình toàn diện nhằm đạt được sự đồng thuận. Xét rằng VNMAC đang áp dụng phương pháp tiếp cận tích hợp đối với toàn bộ hoạt động KPHQBM và hệ thống QLTT cho lĩnh vực KPHQBM, việc hỗ trợ đào tạo cán bộ của VNMAC và cán bộ ở cấp tỉnhđể có thể đạt được những tiến bộ nhất định ngay trong quá trình lập kế hoạch hoạt động hàng năm tiếp theo, và sau đó là lập kế hoạch hoạt động cho giai đoạn tới. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 4: Nguồn lực cho công tác khắc phục hậu quả bom mìn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Huy động nhiều hơn nữa nguồn lực từ ngân sách quốc gia, ngân sách địa phương và cộng đồng quốc tế cho các khu vực bị ô nhiễm nặng nhằm giải quyết các mục tiêu dài hạn trong phạm vi thực hiện kế hoạch 5 năm tiếp theo. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này được xếp hạng đầu tiên về thứ tự ưu tiên. |
| **Năng lực hiện tại:** Mặc dù báo cáo quốc gia về tình trạng ô nhiễm, bản đồ ô nhiễm và báo cáo đánh giá tác động ô nhiễm bom mìn đối với phát triển kinh tế xã hội đều đã được công bố hoặc sẵn cónhưng lại không bao gồm kế hoạch thực hiện dài hạn và báo cáo kết quả nhằm kêu gọi tài trợ theo các tiêu chí ưu tiên đã được thống nhất. Không có chiến lược huy động tài trợ và thiếu thông tin về hành động bom mìn cho hoạt động đầu tư ở cấp tỉnh. Cần huy động tài trợ từ các bên liên quan nhưng năng lực của cán bộ VNMAC về ngoại ngữ cũng như viết đề xuất tài trợ và lập kế hoạch còn hạn chế. Ngân sách cho hoạt động KPHQBM chủ yếu là từ ngân sách nhà nước, và nguồn hỗ trợ hạn chế từ các tổ chức quốc tế, với hầu hết các hoạt động KS&RP được thực hiện thông qua các dự án. |
| **Năng lực trong tương lai:** Cải thiện các báo cáo phân tích chung để cho thấy kết quả dài hạn và chứng minh nhu cầu tăng nguồn tài trợ cho hoạt động KS&RP tại các khu vực bị ô nhiễm trên lãnh thổ Việt Nam cho tới năm 2040. Cần thiết lập cơ chế và kế hoạch huy động nguồn lực, để tham mưu và đưa ra đề xuất cho các cấp lãnh đạo, nhằm tăng hiệu quả huy động tài trợ và cải thiện năng lực hợp tác với các bên liên quan. Chính phủ và Ban Chỉ đạo 701 cần quan tâm nhiều hơn nữa vào hoạt động KPHQBM sau chiến tranh và tăng ngân sách chính phủ cho hoạt động KS & RP. Củng cố năng lực điều phối của VNMAC và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức quốc tế và dân sự. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Trong phạm vi lĩnh vực KPHQBM, các lựa chọn tài chính chiến lược là yếu tố quan trọng cần cân nhắc. Là một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp, Việt Nam được kỳ vọng sẽ từng bước tài trợ nhiều hơn cho sự phát triển của chính mình, và thực tế nguồn tài trợ từ các đối tác phát triển cũng đang giảm dần. Hiện tại, công tác KPHQBM có lý do đặc biệt để giải trình cho nhu cầu cần hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế, và như vậy VNMAC cần đưa nội dung này vào chiến lược hành động bom mìn dài hạn. Tuy nhiên về lâu về dài, Chính phủ Việt Nam nên xét đến các nguồn tài chính khác trong đó bao gồm tiếp cận nguồn tài chính một cách đổi mới sáng tạo. Đầu tư thường tập trung vào biến đổi khí hậu và các mục tiêu phát triển bền vững, cụ thể là phát triển bền vững dựa trên cộng đồng được bắt đầu bằng hoạt động KPHQBM sau chiến tranh và được thiết kế để giảm các tác nhân gây biến đổi khí hậu và tăng cường phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững, và điều này có thể mang đến tác động thu hút đầu tư ở một số địa phương. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Hỗ trợ VNMAC chuẩn bị chiến lược huy động nguồn lực và lập báo cáo thường niên về hành động bom mìn tại Việt Nam. Trong phạm vi thực hiện kế hoạch 5 năm tiếp theo và với sự hỗ trợ từ Ban Chỉ đạo 701 và các đối tác trong và ngoài nước, cần tăng cường năng lực phân tích của VNMAC bao gồm phân tích tài chính, phân tích chi phí-lợi ích, mối quan hệ giữa đơn giá và kết quả hoạt động; phân công nhân sự phù hợp nhằm hỗ trợ chức năng này và cung cấp hướng dẫn quốc tế. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 5: Điều phối trong lĩnh vực hành động bom mìn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Năng lực và khả năng lãnh đạo của VNMAC nhằm tăng cường công tác điều phối trong lĩnh vực hành động bom mìn | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này không được xếp là ưu tiên. |
| **Năng lực hiện tại:** VNMAC phối hợp hiệu quả với các đối tác quốc tế nhưng thiếu cơ chế vận hành thường xuyên và thống nhất. Thiếu kinh nghiệm thực tế cũng như hướng dẫn từ cấp trên, vì vậy hầu hết các hoạt động chỉ nhằm đáp ứng các nhu cầu phát sinh. Hoạt động điều phối giữa các thành viên trong Nhóm các Đối tác hành động bom mìn MAPG còn lỏng lẻo và nhiều hoạt động bị trì hoãn do thiếu sự hỗ trợ từ phía Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sự phối hợp với các chính quyền trung ương và địa phương còn hạn chế vàVNMAC thiếu kết nối và hỗ trợ từ các bên có liên quan khác. Trung tâm Điều phối Khắc phục hậu quả chiến tranh Quảng Trị đã được triển khai bởi cơ quan điều phối ở cấp tỉnh. |
| **Năng lực trong tương lai:** Nâng cao năng lực điều phối thông qua Nhóm các Đối tác hành động bom mìn, tăng cường hoạt động hợp tác tại địa phương, cải thiện công tác quản lý thông tin giám sát trên cơ sở Thông tư để triển khai Nghị định 18. Nâng cao năng lực quản lý tài chính, tổ chức tập huấn nâng cao với sự tham gia của các chuyên gia quốc tế, kinh nghiệm và năng lực của cán bộ được cải thiện bao gồm việc quản lý và kết nối chặt chẽ hơn hoạt động KPHQBM với phát triển. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá**: Việc xây dựng tầm nhìn và chiến lược cũng làm nổi bật các cơ hội củng cố công tác giám sát trong toàn lĩnh vực. Dù hiện tại Ban Chỉ Đạo 701 là cơ giám sát và hướng dẫn VNMAC cùng với các cơ quan liên quan từ phía Chính phủ, vẫn cần kêu gọi sự tham gia tích cực hơn từ các cơ quan nhà nước và các tổ chức liên quan khác để gia tăng lợi thế cho lĩnh vực KPHQBM bởi vì khi lĩnh vực này được tăng cường sẽ tự động thu hút thêm sự chung tay của các tổ chức khác. Các tổ chức thể chế có thể là Quốc hội và các cơ quan cấp tỉnh, nhằm phản hồi về các tiêu chí ưu tiên và biện pháp phát triển bền vững cộng đồng theo các mục tiêu phát triển bền vững. Cơ cấu như vậy giúp cải thiện quy trình báo cáo kết quả hoạt động KPHQBM với cộng đồng quốc tế, trong tương quan với các công ước quốc tế.  Điều phối tổng thể về nguồn lực và chính sách nên được thực hiện thường xuyên bằng cách tổ chức các cuộc họp hàng năm trong nhóm các Đối tác hành động bom mìn với sự hỗ trợ từ VNMAC. Đồng thời VNMAC cũng nên điều phối các cuộc họp tham vấn kỹ thuật với các đối tác trong nước và quốc tế. Với hoạt động ở cấp tỉnh, nên xem xét bài học kinh nghiệm từ Quảng Trị trong việc thực hiện điều phối hoạt động KPHQBM tại một tỉnh bị ô nhiễm nặng, dựa trên quản lý thông tin phục vụ mục đích giám sát và lập kế hoạch. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Hỗ trợ VNMAC tăng cường năng lực điều phối và quản lý bằng cách: thường xuyên tổ chức các cuộc họp tham vấn kỹ thuật với các đối tác trong và ngoài nước, hỗ trợ các cuộc họp thường niên giữa Nhóm các Đối tác hành động bom mìn do BCĐ 701 và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, hỗ trợ năng lực điều phối cấp tỉnh và tổ chức đào tạo ở tất cả các cấp. |

* + - * 1. **Xây dựng năng lực thể chế**

1. **Vấn đề cốt lõi số 6: Đảm bảo đủ nhân lực và ngân sách**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Cấu trúc tổ chức, hệ thống và tiêu chuẩn quản lý của VNMAC giúp nâng cao hiệu suất làm việc của cán bộ nhân viên và tận dụng tối đa ngân sách và cả hai điều này đều góp phần nâng cao năng lực để đảm nhiệm các nhiệm vụ được quy định trong Nghị định 18 | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này được xếp hạng ưu tiên thứ 8 với lưu ý quan trọng vào đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức. |
| **Năng lực hiện tại:** Nhân viên có đủ năng lực nhưng hiệu quả công việc chưa cao do chưa được phân công một cách hợp lý, năng lực chưa thực sự phù hợp với chức năng và trách nhiệm được giao. Năng lực hạn chế về ngoại ngữ và kỹ năng viết cũng như trang thiết bị còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu công việc. |
| **Năng lực trong tương lai:** Việc tái cơ cấu VNMAC nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động để triển khai công tác KPHQBM và tập trung vào kinh nghiệm quản lý hiệu quả để đạt được các kết quả đã đề ra trong kế hoạch. Các bên liên quan cần hiểu rõ vai trò của VNMAC, và VNMAC cần hiểu rõ yêu cầu của cộng đồng quốc tế về nguyên tắc hoạt động và phát triển cũng như áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế. Kế hoạch phát triển năng lực còn bị trì hoãn và chưa rõ ràng, vì vậy cần tập trung đào tạo nâng cao năng lực ở cấp chuyên viên, sử dụng các chuyên gia quốc tế và đào tạo để nâng cao ngoại ngữ cho các cán bộ. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Nghị định 18 và các thông tư liên quan được kỳ vọng sẽ làm rõ chức năng và nhiệm vụ của VNMAC, giúp xác định cơ cấu tổ chức và năng lực cần thiết của nhân viên để đạt được các kết quả mong đợi. Thực tế VNMAC là một tổ chức mới, vì vậy đây cũng là cơ hội rà soát và nhận ra vai trò của mình. Việc tiếp cận thông tin chi tiết về nhân lực và cơ cấu tổ chức hiện tại là rất quan trọng, cần đánh giá nhằm đảm bảo thực hiện các thay đổi cần thiết để đạt được mục tiêu. Tương tự như vậy với vấn đề ngân sách và khả năng VNMAC quản lý ngân sách, bao gồm cả các dự án do quốc tế tài trợ. Cũng cần phải đánh giá hiệu quả công tác mua sắm đấu thầu, trong tương quan đặc biệt với đơn giá cho hoạt động KPHQBM.  Một khía cạnh then chốt khác là cách hệ thống quản lý của VNMAC đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức, đảm bảo hoạt động trong các lĩnh vực chính của hành động bom mìn và trong quan hệ điều phối với các bên liên quan để cho ra các kết quả thực tế. Cần đánh giá được ưu và nhược điểm của việc là một cơ quan trực thuộc BQP trong các khía cạnh như: chia sẻ thông tin và tham vấn rộng rãi với các bên liên quan trong quá trình ra quyết định, tính linh loạt của cơ cấu tổ chức và các yếu tố ra quyết định của nhân sự cấp cao. Cũng cần xác định khả năng cung cấp đào tạo trong quá trình làm việc để cải thiện hệ thống quản lý và năng lực chung. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Rà soát điều chỉnh tổ chức biên chế, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu về năng lực (nhân sự, ngân sách, cơ sở vật chất) để có thể thực hiện được công tác quản lý điều phối các hoạt động KPHQBM trên toàn quốc. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 7: Quản lý các dự án do quốc tế tài trợ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Cán bộ VNMAC có đủ năng lực quản lý tốt các nguồn lực quốc tế | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này được xếp hạng ưu tiên thấp. |
| **Năng lực hiện tại:** Cán bộ VNMAC đã quản lý thành công một số dự án nhỏ và hiện đang phối hợp làm việc trong dự án do KOICA tài trợ. Nếu áp dụng biện pháp tiếp cận từng bước trong bối cảnh có đầy đủ hướng dẫn về chính sách, chúng ta có thể có được một cơ chế hoàn chỉnh, bởi theo quy định của Việt Nam thì các cơ quan và địa phương có thể nhận tài trợ trực tiếp từ quốc tế. VNMAC không trực tiếp triển khai mua sắm đấu thầu. Hỗ trợ từ bên ngoài là cần thiết trong nhiều dự án do còn hạn chế về chuyên môn. |
| **Năng lực trong tương lai:** Rút kinh nghiệm qua dự án KV-MAP để nâng cao năng lực; tăng cường đào tạo trong thời gian sớm nhất nhằm nâng cao kỹ năng quản lý dự án trong tương lai; cải thiện hiệu suất làm việc căn cứ theo kết quả kiểm toán/ kiểm tra; kiểm soát qua chất lượng và hiệu quả; tăng cường quản lý dự án, quản lý điều phối dự án, quản lý an toàn và hiệu quả; |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Can thiệp mang tính chiến lược:** Trong các can thiệp kể trên, cần trú trọng đặc biệt đến đào tạo về quản lý dự án và các hệ thống được sử dụng trong các dự án hợp tác quốc tế, đặc biệt là kinh nghiệm thu được qua dự án KV-MAP. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 8: Các hệ thống quản lý trong hành động bom mìn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Hệ thống quản lý được củng cố nhằm tăng cường năng lực và quyền hạn của các cấp chính quyền | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích**: Vấn đề này được xếp hạng ưu tiên thứ 5 |
| **Năng lực hiện tại:** Chưa có hệ thống cơ quan, tổ chức chuyên ngành từ trung ương xuống địa phương để quản lý công tác KPHQBM sau chiến tranh. Ở Việt Nam công tác này được lồng ghép vào chức năng, nhiệm vụ của BQP, của UBND các cấp. Ban chỉ đạo 701 là cơ quan thường trực về hành hộng bom mìn nhưng lại không điều phối các hoạt động trong lĩnh vực. Phối hợp lỏng lẻo và chồng lấn trong công việc, một số cơ quan/ bộ phận chưa nhận thức rõ về chức năng nhiệm vụ được giao và không có tương tác thường xuyên. Năng lực đang được cải thiện, chính sách và cơ chế đang dần được hoàn thiện. |
| **Năng lực trong tương lai:** Thông tin nội bộ về nhiệm vụ KPHQBM cần rõ ràng hơn, các bên cần hiểu rõ vai trò của từng hợp phần. Triển khai đào tạo nâng cao năng lực đang được tiếp tục triển khai. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Can thiệp mang tính chiến lược:** Củng cố hệ thống quản lý thông qua công tác rà soát điều chỉnh về cơ cấu tổ chức như được đề cập trong vấn đề cốt lõi số 6. Xây dựng kế hoạch tập huấn tại chỗ/trong quá trình làm việc, đảm bảo toàn bộ cán bộ được đào tạo trong nước trong các lĩnh vực phù hợp để thực hiện các công việc về KPHQBM và để làm việc với các tổ chức quốc tế. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 9: Đào tạo trong quá trình làm việc**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính**: Thông qua đào tạo trong quá trình làm việc mà năng lực và hiệu suất làm việc của nhân viên được cải thiện trong một số lĩnh vực nhất định. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này được xếp hạng ưu tiên thứ 4 với quan ngại tập trung vào tỷ lệ điều chuyển công tác cao | |
| **Năng lực hiện tại:** Chưa có kế hoạch đào tạo trong quá trình làm việc cho từng năm; không có mô hình đào tạo về hành động bom mìn cho các nhân viên VNMAC; chỉ tổ chức đào tạo khi được các đối tác khác hỗ trợ về giảng viên, chương trình và kinh phí. Chưa đóng vai trò chủ đạo và còn bị động trong việc lên kế hoạch đào tạo cho từng bộ phận; vai trò của trung tâm đào tạo chưa rõ ràng (mới chỉ tổ chức một khóa đào tạo về tiếng anh và quản lý dự án), trung tâm đào tạo hoạt động chưa hiệu quả trong việc đào tạo cho chính nhân viên trong cơ quan; kế hoạch đào tạo còn phụ thuộc vào quyết định của lãnh đạo cấp cao. Năng lực ngoại ngữ và quản lý dự án còn hạn chế. Đôi lúc, VNMAC không phải là cơ quan đưa ra quyết định cuối cùng về việc điều chuyển cán bộ; có những cán bộ được điều chuyển không dựa trên năng lực và kiến thức chuyên môn. | |
| **Năng lực trong tương lai:** Chiến lược và kế hoạch đào tạo trong quá trình làm việc được xây dựng bao gồm nhiều hoạt động đào tạo, định hướng và quy trình đào tạo rõ ràng. Đào tạo nâng cao năng lực về hành động bom mìn cho cán bộ VNMAC, đào tạo nhân viên trở thành chuyên gia và giảng viên có kiến thức tổng quan về hành động bom mìn. Các nhân sự tham gia dự án KV-MAP thu được kinh nghiệm qua quá trình hoạt động trong dự án. Cải thiện khả năng ngoại ngữ. | |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Can thiệp mang tính chiến lược:** Sau khi hoàn thành soạn thảo thông tư hướng dẫn cho Nghị định 18 và xây dựng tầm nhìn/ nhiệm vụ của VNMAC, qua tham vấn với cấp quản lý, năm 2020 cần ưu tiên lập kế hoạch đào tạo trong quá trình làm việc để toàn bộ cán bộ nhân viên VNMAC được hưởng lợi từ biện pháp tiếp cận và cơ chế đào tạo mới. Tập trung đào tạo dài hạn về ngoại ngữ để thực hiện vai trò hợp tác quốc tế của VNMAC. | |

1. **Vấn đề cốt lõi số 10: Vai trò và năng lực của trung tâm huấn luyện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Số lượng và chất lượng các cán bộ trong nước được đào tạo về quy chuẩn trong hành động bom mìn tương ứng với phân tích về nhu cầu đào tạo. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Nội dung này được xếp hạng ưu tiên 2 và yêu cầu cần được quan tâm chú ý. |
| **Năng lực hiện tại:** Đánh giá ban đầu về thực trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực về hành động mìn, đã hoàn thành phân tích đánh giá về nhu cầu đào tạo và nhân viên đã tham gia nhiều khóa đào tạo trong nước cũng như hội thảo quốc tế. Đã tiến hành đánh giá và định hướng phát triển trung tâm đào tạo. Trung tâm chưa xây dựng được kế hoạch đào tạo cho toàn bộ nhân viên, đã phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức đào tạo thực hành. Thiếu nhân lực có trình độ, chưa có giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Trang thiết bị còn chưa đầy đủ, do vậy trung tâm đào tạo vẫn chưa hoàn thiện. |
| **Năng lực trong tương lai:** Hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế là cần thiết để giải quyết cả vấn đề ngắn hạn và dài hạn theo một kế hoạch tổng thể nhằm đảm bảo chất lượng thực hiện dự án và phù hợp với IMAS, đồng thời tăng cường năng lực quản lý của VNMAC và các cơ quan cấp tỉnh, cấp nhà nước trong việc thực hiện nghị định 18. Trung tâm đào tạo, giảng viên, trang thiết bị và mặt bằng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và đủ năng lực để nghiên cứu và đào tạo. Đội ngũ quản lý đủ năng lực xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn dựa trên định hướng ngành. Hợp tác với các trường cao đẳng/ đại học về công binh để có thêm học viên/ nhân sự. Tiếp tục huy động nguồn lực để xây dựng trung tâm đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, một số lượng nhất định nhân viên và giảng viên được đào tạo và học hỏi từ các hội thảo quốc tế. Thỏa thuận với Hoa Kỳ về hỗ trợ trong đào tạo và thực hành. Từng bước hoàn thành cơ cấu tổ chức, tạo cơ hội cho nhân viên ra nước ngoài đào tạo. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Cần nhiều nỗ lực hơn nữa để trung tâm đào tạo đi vào hoạt động và nhiều năm để trở thành nơi đào tạo nhân lực cho khu vực. Hiện trung tâm đào tạo tại VNMAC mới có ¼ số nhân viên được bổ nhiệm và không có giảng viên có trình độ. Trung tâm đã hỗ trợ một số khóa học ngắn hạn về áp dụng tiêu chuẩn IMAS với tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ quốc tế và thực hành này nên được nhân rộng trong phạm vi đào tạo của dự án KV-MAP. Hoa Kỳ đang xem xét hỗ trợ, sau khi hoàn thành khảo sát về nhu cầu đào tạo, và Vương Quốc Anh cũng đang hỗ trợ đào tạo nhóm quản lý chất lượng đầu tiên cho trung tâm Tư vấn khảo sát và Giám sát chất lượng của VNMAC.  Khuyến nghị VNMAC thu thập thông tin về toàn bộ các hoạt động đào tạo trong lĩnh vực hành động mìn, sử dụng các thông tin này cùng với tiêu chuẩn IMAS để xây dựng nội dung và xác định đối tượng chính cho các hoạt động đào tạo do VNMAC tổ chức trên cơ sở tham chiếu với các bên liên quan, đặc biệt là cho mục đích cấp chứng chỉ cho hoạt động KS&RP về sau. Cần triển khai phân tích nhu cầu đào tạo của nhân viên để đáp ứng các mục tiêu dài hạn và sau đó đệ trình lên Ban Chỉ đạo 701 về việc tăng ngân sách và nhân thực để đạt được các mục tiêu và yêu cầu đề ra. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Hỗ trợ sắp xếp năng lực quản lý và đào tạo nhân viên theo tham vọng của trung tâm, phân tích nhu cầu đào tạo và nhu cầu của nhân viên trong bối cảnh xây dựng chiến lược dài hạn. Liên quan đến hỗ trợ dự kiến từ Hoa Kỳ, cần điều phối hợp lý các nguồn lực hỗ trợ cho trung tâm. Tạo liên kết với các trường đại học và cao đẳng/ trung cấp trong đào tạo. |

* + - * 1. **Năng lực kỹ thuật**

1. **Vấn đề cốt lõi số 11: Chuẩn hóa phương pháp thực hiện/quản lý chất lượng khảo sát và rà phá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Triển khai KS&RP một cách chất lượng và hiệu quả về mặt chi phí, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và phù hợp với tiêu chuẩn IMAS, được chứng thực thông qua hệ thống quản lý chất lượng. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Được xếp hạng ưu tiên thứ 10 với nhu cầu về đào tạo các tiêu chuẩn mới cho cán bộ. |
| **Năng lực hiện tại:** Đã áp dụng các tiêu chí ưu tiên và quy trình KS&RP quốc gia vào các hoạt động. Đã áp dụng KSKT và KSPKT trong xác định khu ô nhiễm nhưng các phương pháp này chưa đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Ít được đào tạo về công nghệ mới mà thay vào đó chỉ được giới thiệu một cách ngắn gọn, chưa thiết kế/ sản xuất được thiết bị trong nước. Có tiềm năng quan hệ phối hợp tốt với BOMICEN và Trường trung cấp công binh trong lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất thiết bị, thực hiện tốt việc hướng tới IMAS và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện ở Việt Nam, vd: về chủng loại vật nổ đa dạng. Các tiêu chuẩn quốc tế đang được áp dụng trong KS/RP, quy trình khảo sát hiện đang được hoàn thiện. Tuy nhiên các tiêu chí xác định ưu tiên vẫn chưa được phê duyệt, công tác quản lý thông tin chưa được thực hiện đầy đủ, ngân sách hạn chế, năng lực còn yếu, thiết bị chưa được cung cấp đầy đủ và tích hợp. |
| **Năng lực trong tương lai:** Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm nhưng cần sớm xác định được các tiêu chí ưu tiên cho KS &RP. Phối hợp với các bên liên quan để xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự về KS&RP. Rà soát tiêu chuẩn quốc gia về KS&RP để phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế IMAS. Từng bước học hỏi, rút kinh nghiệm để điều chỉnh quy trình cho phù hợp. Nghiên cứu và chế tạo thiết bị cho KS&RP, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật mới về KS&RP, trú trọng thảo luận về kỹ thuật và hợp tác. Tăng cường đào tạo hủy nổ lên đến IMAS bậc 3. Tận dụng chuyên gia đào tạo quốc tế và bồi dưỡng chuyên gia đào tạo trong nước. VNMAC sẽ trú trọng nhiều hơn vào quản lý chất lượng; nghiên cứu về thiết bị và các phương pháp thực hiện KS/RP để đảm bảo chất lượng công việc; |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** VNMAC chia sẻ quan ngại và do dự về việc áp dụng tiêu chuẩn IMAS vào Việt Nam sẽ có những khó khăn do khác biệt về bối cảnh, bởi giải phóng đất phục vụ phát triển/ thương mại cũng nên được xem xét bên cạnh nhu cầu nhân đạo. Độ sâu 30cm được áp dụng tiêu chuẩn cho khảo sát và rà phá nhân đạo tại Việt Nam, tuy nhiên đất đai Việt Nam đã bị ô nhiễm trong nhiều thập kỷ, và đã có những nơi được lực lược quân đội VN can thiệp rà phá nhân đạo, vì vậy nhu cầu tăng độ sâu rà phá để xây dựng nhà cửa và phát triển sinh kế là một nhu cầu thực tế. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều khu vực ô nhiễm nếu được rà phá theo tiêu chuẩn nhân đạo thì sẽ mang lại nhiều cơ hội kinh tế hơn cho cộng đồng. Mô hình hợp tác Nam-Nam có thể hữu ích trong việc cung cấp các ví dụ thực tế và bằng chứng cho việc thay đổi tiêu chuẩn theo các bối cảnh khác nhau.  Sẽ cần soạn thảo nhiều quy trình và chuẩn bị năng lực phù hợp nếu trong tương lai VNMAC cùng với BQP là cơ quan đảm nhận việc cấp chứng chỉ năng lực KS&RP. Công tác chuẩn bị cần được tính toán trong bối cảnh những quy định và tiêu chuẩn mới đang được rà soát để phù hợp với quy định quốc tế và sẽ có những thay đổi về năng lực đào tạo. Có thể ưu tiên trước cho hoạt động rà mìn nhân đạo, tuy nhiên về sau này, năng lực KS&RP của mọi tổ chức hoạt động trên lĩnh vực cần được chứng nhận bởi một cơ quan độc lập, lý tưởng nhất là một cơ quan độc lập đạt tiêu chuẩn IMAS.  Cải tiến về quản lý chất lượng đang được triển khai ở cấp tỉnh với sự tham gia của đội ngũ các cán bộ VNMAC đã qua đào tạo tại Quảng Trị trong năm nay, ngoài ra dự án KV-MAP cũng đang bắt đầu hỗ trợ công tác quản lý chất lượng ở hai địa bàn dự án. Cần làm rõ mối quan hệ giữa Binh chủng Công binh/ BOMICEN và VNMAC, ví dụ như trong vấn đề liên quan đến quy trình cấp giấy chứng chỉ năng lực KS/RP hay quy chuẩn và hệ thống quản lý chất lược được các lực lượng công binh sử dụng.  Tương tự, cũng cần có những cải tiến trong áp dụng công nghệ phục vụ xác định ưu tiên trong KSRP và biện pháp tiếp cận đảm bảo hiệu quả về chi phí và chất lượng. Dù trên thực tế VNMAC dường như chưa có năng lực độc lập trong lĩnh vực này, và chưa có phân tích chi tiết về đường hướng thực hiện. Thực tế là không ai biết đã có bao nhiêu nỗ lực được đầu tư cho đến nay và những thành tựu thu được qua quá trình nghiên cứu và phát triển trong kế hoạch 5 năm hiện tại.  Cải tiến bao gồm xây dựng và củng cố năng lực cho các nhóm quản lý chất lượng nội bộ để thực hiện QLCL theo tiêu chuẩn IMAS, năng lực VNMAC quản lý các nhóm QLCL để các tiêu chuẩn tối thiểu được tuân thủ đầy đủ trên hiện trường. Để làm được như vậy, sẽ cần có nhiều hơn nữa cán bộ đạt chứng chỉ rà phá IMAS EOD cấp 3 và một cán bộ giám sát đạt chứng chỉ IMAS 3+. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Nỗ lực chung qua việc soạn thảo thông tư nhằm xác nhận vai trò của VNMAC trong việc tiêu chuẩn hóa hoạt động KS/RP/QLCL, hướng tới cấp chứng chỉ về năng lực KS/ RP. Bao gồm kế hoạch đào tạo tổng thể theo tiêu chuẩn IMAS; nâng cao năng lực QLCL của VNMAC nhằm cải thiện hiệu suất và chất lượng báo cáo kết quả KS&RP. Hỗ trợ VNMAC đi đầu thực hiện nghiên cứu khả thi về áp dụng công nghệ và phát triển năng lực sản xuất trong nước trong bối cảnh chuẩn bị kế hoạch năm năm tiếp theo. Do các quy định và tiêu chuẩn hoạt động của VNMAC sẽ còn thay đổi theo thời gian và theo chiều hướng phù hợp với tiêu chuẩn hành động mìn quốc tế (IMAS), vì vậy cần đảm bảo rằng các tiêu chuẩn về QLCL mà VNMAC áp dụng cũng được rà soát định kỳ để cập nhật.  Một hệ thống quản lý chất lượng tốt là một hệ thống được phát triển theo định hướng tự đánh giá và nhất quán, theo đó các quan sát và cải tiến về QLCL trên hiện trường sẽ giúp củng cố và tăng cường các tiêu chuẩn liên quan. Để hiện thực hóa vai trò lãnh đạo ở cấp quốc gia và tăng cường tính minh bạch, VNMAC cần củng cố khả năng lãnh đạo, hoạt động truyền thông cũng như tiếp nhận bài học kinh nghiệm từ tất cả các cấp hoạt động. Đây là những thành tố quan trọng góp phần vào nỗ lực để Việt Nam đóng vai trò tích cực trong quá trình tham gia và thực hiện các hoạt động hành động bom mìn trên toàn thế giới, hỗ trợ cho hoạt động gìn giữ hòa bình nói chung. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 12: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật về hoạt động KPHQBM sau chiến tranh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Hệ thống các quy định và tiêu chuẩn cập nhật và được áp dụng vào hoạt động. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích**: Được xếp hạng ưu tiên thứ 9. |
| **Năng lực hiện tại:** Rà soát quy trình kỹ thuật và các tiêu chuẩn, xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 18. Các tiêu chuẩn và quy trình hiện chưa hoàn thiện và chưa phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Hiện đang trong quá trình hoàn thiện quy trình kỹ thuật cho khảo sát và rà phá. |
| **Năng lực trong tương lai:** Xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện nghị định 18. Xây dựng kế hoạch làm việc và đệ trình xin phê duyệt để thực hiện và điều chỉnh theo nghị định. Rút ra các bài học thực tế để điều chỉnh các quy trình, quy định và tiêu chuẩn về KS&RP. Từng bước áp dụng tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Hoàn thành khung pháp lý và tiêu chuẩn/ quy trình kỹ thuật phù hợp tiêu chuẩn quốc tế và hoàn thành trung tâm dữ liệu thông tin. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Theo chiến lược và các vấn đề cốt lõi khác đã được đánh giá phía trên, định nghĩa, tiêu chuẩn và xác định ưu tiên là các yếu tố then chốt trong hành động mìn. Năng lực của VNMAC trong việc định hướng và định nghĩa lại các tiêu chuẩn để áp dụng trong toàn ngành và phù hợp với tiêu chuẩn hành động mìn quốc tế (IMAS) là một trong những yêu cầu quan trọng. Và năng lực này cần được đặt trong bối cảnh xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 18, xây dựng quy trình thực hiện hiệu quả hơn phục vụ việc phê duyệt, áp dụng và rà soát các tiêu chuẩn tương tự, cũng như xét trong mối tương quan với các tiêu chuẩn quốc tế.  Ngoài ra, cần làm rõ trách nhiệm của VNMAC và các đối tác tại địa phương cũng như các đơn vị quân đội để hỗ trợ VNMAC hoàn thành nghĩa vụ được giao và điều phối hiệu quả toàn ngành. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** VNMAC rà soát quy định và tiêu chuẩn quốc gia nhằm phù hợp với yêu cầu quốc tế và bối cảnh riêng của Việt Nam, ban đầu là trong bối cảnh xây dựng thông tư mới và sau đó là các nỗ lực tiếp theo để điều chỉnh quy định và tiêu chuẩn quốc gia, chẳng hạn như xây dựng và vận hành hệ thống điều chỉnh quy định minh bạch và linh hoạt hơn. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 13: Hệ thống quản lý thông tin**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Hoàn thành báo cáo về kết quả và tác động của hoạt động rà phá bom mìn. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Theo kết quả thu được trong bảng hỏi đây không phải là một vấn đề nghiêm trọng. |
| **Năng lực hiện tại:** Dữ liệu chưa được cập nhật kịp thời, biện pháp thu thập và cập nhật dữ liệu chưa đồng nhất, chưa có cơ sở dữ liệu về một số mảng trong hoạt động KPHQBM sau chiến tranh. Đã được trang bị thiết bị để thiết lập trung tâm cơ sở dữ liệu hành động mìn cấp quốc gia, nhân sự đã được đào tạo, từng bước nâng cao năng lực cho nhân viên. |
| **Năng lực trong tương lai:** Tất cả các tỉnh đều có hệ thống thu thập dữ liệu, có đủ nhân lực và nhân lực được đào tạo cơ bản về QLTT. Cơ sở vật chất và thiết bị về quản lý thông tin đạt tiêu chuẩn, hệ thống cơ sở dữ liệu hoạt động tốt và có khả năng chia sẻ thông tin với các bên liên quan. Tiếp tục đào tạo và hoàn thiện khung pháp lý. Nhân viên hiểu kỹ thuật và sử dụng IMSMA, từng bước thiết lập hệ thống quản lý thông tin về hành động mìn vào năm 2025. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Trung tâm CSDL nhận hỗ trợ từ Hoa Kỳ (thông qua NPA) từ năm 2015 và hiện vẫn đang hoạt động. Một trong những vấn đề chính là đảm bảo tính kịp thời và nhất quán chất lượng của dữ liệu được nhập vào hệ thống, khuyến nghị tham khảo kinh nghiệm từ trung tâm KPHQBM sau chiến tranh tại Quảng Trị và công tác quản lý thông tin ban đầu trong dự án KV-MAP. VNMAC sẽ gặp thách thức về mặt năng lực để có thể nâng cấp hệ thống đảm bảo thu thập tích hợp thông tin từ mạng lưới tỉnh và toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực như được nêu rõ trong Nghị định 18. Do vậy cần thường xuyên rà soát việc đào tạo, nâng cao năng lực nhập liệu vào hệ thống cho nhân viên. Hệ thống QLTT của VNMAC được xây dựng trên nền tảng IMSMA 6, tuy nhiên trên thực tế BQP lại không có quy định rõ ràng về loại dữ liệu được chia sẻ, và đây cũng chính là vấn đề trở ngại thứ hai. Các bên đều kỳ vọng thông tư hướng dẫn đang được soạn thảo sẽ làm rõ nội dung này. Vì vậy, cuối năm nay sẽ là thời điểm phù hợp để rà soát và thảo luận về cách nâng cấp hệ thống và nâng cao năng lực sau khi vấn đề đã được làm rõ trong thông tư. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Việc thiết lập và quản lý trung tâm cơ sở dữ liệu cấp quốc gia cần rõ ràng về cơ chế và trách nhiệm của các bên liên quan ở các cấp khác nhau. Dựa trên kinh nghiệm vận hành của trung tâm CSDL tại Quảng Trị để xây dựng trung tâm CSDL và trung tâm điều phối ở các tỉnh/ huyện bị ô nhiễm nặng. Củng cố công tác nhập dữ liệu vào hệ thống một cách kịp thời và chất lượng, xây dựng phương thức truy cập/ công bố dữ liệu. Cung cấp đào tạo cho toàn bộ nhân viên trong trung tâm và thực hiện đánh giá năng lực định kỳ. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 14: Hỗ trợ nạn nhân (HTNN) và Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Chính sách, chiến lược và kế hoạch quốc gia cho hoạt động GDPTTNBM và HTNN đáp ứng được nhu cầu của NNBM | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này được xếp hạng ưu tiên thấp trong bảng phân tích các lỗ hổng năng lực. |
| **Năng lực hiện tại:** Đáp ứng yêu cầu do hiện nay Bộ LĐ-TBXH đang tiến hành thu thập dữ liệu về người khuyết tật và bao gồm cả NNBM. Phần mềm về quản lý dữ liệu NKT đã sẵn sàng, và bắt đầu cập nhật. Thụ động trong phối hợp, hoạt động theo kế hoạch về HTNN và GDPTTNBM của Chương trình 504. Chậm trễ trong xây dựng chiến lược quốc gia cho hoạt động GDPTTNBM. Các hoạt động triển khai không thường xuyên, không có hoạt động nổi bật. Hội Hỗ trợ KPHQBM Việt Nam (VNASMA) đã hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân ở nhiều địa phương khác nhau trên toàn quốc. |
| **Năng lực trong tương lai:** Cần bổ sung nhân sự về GDPTTNBM và thành lập nhóm GDPTTNBM, xây dựng phương pháp thực hiện mới. Nâng cao năng lực về quản lý, hỗ trợ và cơ chế điều phối với các bên liên quan. Cải thiện năng lực về thu thập dữ liệu, quản lý và hỗ trợ thực hiện.  Tuyên truyền viên có năng lực nhưng cần được nâng cao năng lực hơn nữa. VNMAC cần có kế hoạch thực hiện GDPTTNBM hàng năm ở cấp tỉnh, cần sáng tạo đổi mới trong hoạt động. Nâng cấp cơ sở dữ liệu nạn nhân, phối hợp với Bộ LĐ-TBXH để cập nhật thông tin về NNBM. Hiểu rõ trách nhiệm và xác định ưu tiên cho hoạt động GDPTTNBM. Nhân viên có kiến thức về GDPTTNBM và hành động bom mìn. Xây dựng hệ thống HTNN với sự hỗ trợ từ IC. Khuyến nghị tập trung vào huy động nguồn lực và các chương trình/ kế hoạch GDPTTNBM dài hạn. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá**: Cần làm rõ vai trò của VNMAC trong các hoạt động GDPTTNBM và HTNN. Bộ LĐ-TBXH cũng có một bộ phận chuyên trách về GDPTTNBM, trong khi đó VNMAC hiện đang hỗ trợ thực hiện GDPTTNBM tại hai tỉnh trong phạm vi dự án KV-MAP, đồng thời thực hiện một số sự kiện truyền thông không thường xuyên ở phạm vi quốc gia và chương trình 504. Do tất cả các hoạt động được thực hiện ở cấp tỉnh và cấp xã, cần có năng lực thực sự ở các cấp làm việc này, đảm bảo tập trung và nhất quán năng lực khi tiến hành KS&RP. Dự án KV-MAP hiện nhân rộng phương pháp tiếp cận GDPTTNBM được các tổ chức phi chính phủ quốc tế áp dụng tại các tỉnh khác và tiếp tục điều chỉnh bằng cách mở rộng quan hệ đối tác nhằm tối đa hóa hiệu quả và phù hợp với bối cảnh địa phương. Lực lượng quân đội sẽ tham gia khi cần thiết với vai trò chuyên gia kỹ thuật trong các hoạt động mang tính xã hội dân sự này.  Trách nhiệm chính về HTNN là của Bộ LĐ-TBXH, hiện bộ đang áp dụng phần mềm hệ thống quản lý thông tin do IC tài trợ. Phần mềm lưu trữ dữ liệu toàn diện về NKT, bao gồm cả NNBM và sẽ được sử dụng nhân rộng tại các địa bàn của dự án KV-MAP. Về phương diện này, các thông tin về nạn nhân do Bộ LĐ-TBXH thu thập không chi tiết như quy định trong IMSMA. Với số lượng tai nạn bom mìn khá thấp trong những năm gần đây (theo ghi nhận của VNMAC đã có 13 ca tai nạn trong năm 2018), nhân viên VNMAC có thể thu thập thông tin ngay tại hiện trường trong quá trình điều tra, áp dụng với các ca tai nạn mới, trong khi Bộ LĐ\_TBXH xử lý việc nhập thông tin vào hệ thống và có hoạt động hỗ trợ khắc phục hậu quả sau tai nạn.  HTNN và GDPTTNBM trong hoạt động KPHQBM sau chiến tranh nhận được ít sự quan tâm ở cấp quốc gia do đây là một mảng tương đối nhỏ và đã được tích hợp vào các hoạt động bảo trợ xã hội và giáo trình giáo dục ở cấp địa phương. Mặt khác, cần đưa ra được chiến lược và chính sách quốc gia cho HTNN và GDPTTNBM, trong đó giao cho VNMAC làm đầu mối điều phối. Như vậy vai trò và năng lực sẽ được thể hiện rõ ràng ở tất cả các cấp và hiệu quả hoạt động được giám sát đầy đủ. Ở cấp tỉnh, VNMAC nên đóng vai trò điều phối và các tổ chức liên quan ở cấp tỉnh và cấp xã sẽ đóng vai trò cơ quan thực hiện hoạt động. Ngoài ra, các thực hành tốt nhất trên thế giới cũng đã chỉ ra những lợi ích thiết thực từ việc liên kết chặt chẽ giữa hoạt động GDPTTNBM và quá trình giải phóng đất cũng như phối hợp làm việc chặt chẽ với các bên liên quan. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Nghị định 18 và các thông tư liên quan cần nêu rõ cách quản lý HTNN và GDPTTNBM ở cấp quốc gia, cụ thể là vai trò của Bộ LĐ-TBXH trong thực hiện hoạt động; vai trò của VNMAC trong điều phối, xây dựng chính sách, kế hoạch và điều phối hỗ trợ hoạt động; đồng thời ghi nhận được hiệu quả của các hoạt động do các đối tác khác thực hiện ở cấp tỉnh. Nhân sự VNMAC cần được tập huấn để hỗ trợ báo cáo kết quả HTNN của các ca tai nạn mới vào hệ thống IMSMA theo tiêu chuẩn. |

* + - * 1. **Các năng lực chức năng**

1. **Vấn đề cốt lõi số 15: Quản lý nhân sự**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Tăng số lượng nhân viên và nâng cao năng lực do chức năng nhiệm vụ của VNMAC được mở rộng. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Nội dung này được đánh giá thấp trong bảng phân tích các lỗ hổng về năng lực. |
| **Năng lực hiện tại:** thực hiện theo quy định của chính phủ, thiếu quy định và chính sách rõ rang. Nhân sự được đào tạo phụ thuộc vào quyết định của cấp trên, nhân sự chủ chốt ở một số bộ phận chỉ có nhiệm kỳ ngắn hạn mà không có kế hoạch dự trù nhân sự thay thế. Hầu hết các cán bộ xuất thân từ quân đội và thiếu chuyên môn cần thiết, sự tham gia của các tổ chức dân sự/ quốc tế còn hạn chế. |
| **Năng lực trong tương lai:** Có kế hoạch xây dựng năng lực để đào tạo nhân sự thay thế. Tăng cường đào tạo trong quá trình làm việc, cử nhân viên tham gia các khóa đào tạo, từng bước hoàn thành các chính sách & quy định và thực hiện các trách nhiệm của VNMAC được quy định tại nghị định 18. Điều phối, phân công nhân sự phù hợp, có sự tham gia mạnh mẽ hơn từ các tổ chức dân sự và quốc tế. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Thông tin về đội ngũ cán bộ nhân viên hiện tại, năng lực cụ thể, nội dung công việc, quy trình làm việc, dòng báo cáo và giám sát là các thông tin quan trọng, đồng thời giúp xác định các lỗ hổng liên quan đến nhiệm vụ. Các thông tin này đã không được cung cấp trong phạm vi hoạt động đánh giá năng lực và VNMAC thông tin rằng có hệ thống nhân sự tuân theo quy định của Chính phủ. Hầu hết các cán bộ hiện tại đều xuất thân từ quân đội và được bổ nhiệm công việc, có rất ít nhân sự được tuyển dụng bên ngoài. Một vấn đề khác là kinh nghiệm tuyển dụng và duy trì nhân sự chất lượng cho VNMAC, xác định nguyên nhân gây ra tỷ lệ điều chuyển nhân sự khá cao và cách giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc này. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Một trong những biện pháp can thiệp được áp dụng nhằm nâng cao năng lực quản lý của VNMAC là đảm bảo thực hiện đầy đủ các thành phần trong hệ thống nhân sự bao gồm đào tạo, phân công và luân chuyển sao cho phù hợp với hệ thống & cấu trúc quản lý mới khi được áp dụng. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 16: Quản lý tài chính**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Báo cáo kiểm toán sạch sẽ và tiến độ giải ngân kịp thời | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** vấn đề này được xếp hạng thấp trong các lỗ hổng về năng lực. |
| **Năng lực hiện tại:** Chưa được đào tạo về ngoại ngữ và các biểu mẫu cũng như các tiêu chuẩn tài chính của LHQ. Một số khóa đào tạo về ngoại ngữ hiện đang được tổ chức cho toàn bộ nhân viên. Công tác quản lý tài chính được thực hiện chặt chẽ tuân thủ theo quy định quốc tế và đã dược kiểm toán bởi các tổ chức quốc tế. Nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm và đều có bằng đại học hoặc sau đại học nhưng còn hạn chế về khả năng ngoại ngữ và chưa có kinh nghiệm làm việc với tiêu chuẩn tài chính của LHQ. Cần nâng cao năng lực quản lý tài chính để đảm bảo sử dụng triệt để nguồn vốn và thực hiện các chương trình. |
| **Năng lực trong tương lai:** Nhân lực phụ trách hợp tác quốc tế và phụ trách chuyên môn đều giỏi tiếng anh. Cử nhân có cơ hộ học tập ở nước ngoài và được tham gia nhiều khóa đào tạo do các nhà tài trợ tổ chức. Đào tạo nâng cao về quản lý tài chính dự án và tiêu chuẩn tài chính quốc tế cho tất cả nhân viên thuộc Chương trình 504. Bổ sung thiết bị cho bộ phận tài chính. Hiện tại, VNMAC đang triển khai các dự án với nhiều tổ chức phi chính phủ và nhà tài trợ quốc tế. Cần thêm các khóa đào tạo hướng dẫn sử dụng biểu mẫu của Liên Hợp Quốc và khuyến nghị này cũng đã được đề cập. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Trong lĩnh vực tài chính, cần hiểu rõ các trở ngại ảnh hưởng đến tính chính xác trong quản lý và báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động của bộ phận tài chính được phản ánh trong các báo cáo kiểm toán và báo cáo tương tự. Ở cấp độ công việc hiện tại, VNMAC có vẻ có khả năng đáp ứng tốt, nhưng sẽ tốt hơn nếu được cung cấp đào tạo chi tiết về hệ thống tài chính của UNDP, và cần rà soát lại khi VNMAC mở rộng hoạt động. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Trong bối cảnh áp dụng đào tạo trong quá trình làm việc, cần đảm bảo rằng tất cả các nhân viên được đào tạo về sử dụng công cụ quản lý tài chính trong các dự án quốc tế. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 17: Truyền thông và trang web**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính**: Cộng đồng trong nước và quốc tế đánh giá cao tác động của các hoạt động KPHQBM sau chiến tranh và vai trò của VNMAC. | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Vấn đề này được xếp thứ 6 trong bảng phân tích các lỗ hổng năng lực, với lưu ý quan trọng về việc nâng cấp trang web. |
| **Năng lực hiện tại:** Thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể về việc chia sẻ thông tin khiến hoạt động của VNMAC chưa được biết đến rộng rãi và thông điệp GDPTTNBM chưa tiếp cận hiệu quả tới cộng đồng. VNMAC có trang web nhưng lại không cập nhật thường xuyên và nghèo nàn về nội dung. Các thông tin về hoạt động KPHQBM sau chiến tranh được chia sẻ rất hạn chế đến các đối tác quốc tế, nhưng cũng đã nhận được hỗ trợ từ một số tổ chức. Đã có quy chế hoạt động cụ thể nhưng cần chi tiết hơn. Đã tổ chức ngày thế giới nâng cao nhận thức về hiểm họa bom mìn. Cập nhật và cung cấp thiết bị đảm bảo yêu cầu công nghệ 4.0, thiết bị chưa đồng bộ. |
| **Năng lực trong tương lai:** VNMAC có thể chia sẻ thông tin một cách rộng rãi. Có kế hoạch nâng cấp website và cần ưu tiên phân công cán bộ chuyên trách đăng và viết bài đăng trên website. Công bố các dự án do Trung tâm thực hiện. Cán bộ truyền thông trong nước và quốc tế được đào tạo cơ bản và liên tục. Có năng lực quản lý và phối hợp với đài phát thanh và truyền hình. Có ngân sách để GDPTTNBM qua website và cập nhật thông tin về các hoạt động này trên website. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Ngoài ra để tăng cường hiệu quả tiếp cận thông tin từ bên ngoài, hệ thống chia sẻ thông tin nội bộ cũng cần được cải thiện. Cần có nội dung đào tạo để toàn bộ nhân viên hiểu rõ về hoạt động KPHQBM sau chiến tranh cũng như vai trò của VNMAC. Cuối cùng, ngoài công tác GDPTTNBM, cần đánh giá năng lực và các khó khăn gặp phải trong việc nâng cao hiệu quả truyền thông của VNMAC từ cả bên trong và bên ngoài, liên kết với kế hoạch nâng cấp website – nội dung được xác định ưu tiên cần cải thiện. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Trong bối cảnh cần làm rõ quyền truy cập và chia sẻ thông tin, cần bố trí nhân lực hàng ngày cập nhật và cung cấp các tư liệu truyền thông lên website và cho các đơn vị truyền thông nhằm đảm bảo hoạt động của VNMAC được chuyển tải đến công chúng và cộng đồng quốc tế. Tăng cường đào tạo trong quá trình làm việc về hoạt động KPHQBM và truyền thông quốc tế thông qua hoạt động của VNMAC. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 18: Hệ thống CNTT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Năng suất làm việc của các nhân viên VNMAC được nâng cao nhờ vào ứng dụng CNTT trong quá trình làm việc | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Xếp hạng khoảng cách năng lực và phân tích:** Nội dung này được đánh giá thấp trong bảng phân tích các nỗ lổng về năng lực. |
| **Năng lực hiện tại:** Nhân viên có năng lực CNTT đạt cấp 3. Chỉ trung tâm dữ liệu mới có nhân viên có trình độ tốt về CNTT. Thiếu năng lực, thiết bị không đồng bộ. |
| **Năng lực trong tương lai:** Tất cả các nhân viên sử dụng thành thạo máy tính trong quá trình làm việc và đủ khả năng tiếp cận công nghệ mới. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Can thiệp mang tính chiến lược:** Trong bối cảnh các thay đổi dự kiến, cần đảm bảo CNTT được áp dụng trong toàn bộ các công việc của VNMAC thay vì chỉ riêng trung tâm dữ liệu, hệ thống công nghệ và đào tạo được phát triển phù hợp cho toàn bộ nhân viên. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 19: Mua sắm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số chính:** Nhân lực và hệ thống tại VNMAC đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về mua sắm đấu thầu | |
| **VNMAC phân tích và tự đánh giá năng lực** | **Năng lực hiện tại:** Các tổ chức/ đối tác quốc tế thực hiện mua sắm đấu thầu. Công tác mua sắm đấu thầu trong dự án KV-MAP đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Có chứng chỉ quốc gia về mua sắm đấu thầu. |
| **Năng lực trong tương lai:** Tiêu chuẩn hóa hệ thống, cung cấp đào tạo về mua sắm đấu thầu cho cán bộ VNMAC, tất cả các hoạt động mua sắm đấu thầu đều đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. |
| **Đánh giá và đề xuất của UNDP** | **Đánh giá:** Trong phạm vi hoạt động đánh giá năng lực, nội dung về mua sắm đấu thầu chưa được cho điểm xếp hạng và không đủ thời gian để phân tích tình huống. Tuy nhiên, hiện tại việc mua sắm đang do các đối tác thực hiện đảm nhiệm. Có nhu cầu về đào tạo để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, nhân viên cần được rèn luyện qua các dự án đang thực hiện để chuẩn bị cho vai trò trực tiếp hơn của VNMAC trong các bối cảnh phát triển trong tương lai. |
| **Can thiệp mang tính chiến lược:** Cần thêm nội dung đào tạo về tiêu chuẩn mua sắm đấu thầu quốc tế trong phạm vi các dự án đang thực hiện. |

1. **Vấn đề cốt lõi số 20: Vận hành/ hậu cần–** Trong phạm vị hoạt động đánh giá năng lực, nội dung này không có ý kiến đánh giá và chưa được phân tích do không đủ thời gian và chưa được ưu tiên. Không có bất cứ vấn đề nào liên quan đến vận hành/hậu cần được đề cập trong các cuộc phỏng vấn.

**Ⅳ. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO VNMAC**

1. Hai mươi vấn đề cốt lõi được phân tích nhằm xác định các nội dung ưu tiên về nâng cao năng lực ngắn hạn và trung hạn (trong 18 tháng tới) nhằm chuẩn bị cho việc triển khai kế hoạch 5 năm tiếp theo. Nhu cầu về năng lực được trình bày ngắn gọn trong 11 mục tiêu và có kèm các khuyến nghị liên quan:
   * 1. Chiến lược hành động bom mìn cho Việt Nam, trong mối tương quan với các công ước quốc tế, hướng đến làm sạch bom mìn và vai trò trong gìn giữ hòa bình.
   * Tìm kiếm sự hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế về công tác xây dựng chiến lược hành động bom mìn;
   * Phân bổ cán bộ/ tuyển thêm nhân sự phụ trách về nội dung này;
   * Trình BCĐ 701 phê duyệt và thúc đẩy quá trình tổng hợp;
   * Xúc tiến việc hoàn thiện Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 18 và xem như là một phần của nội dung đánh giá kế hoạch 5 năm hiện tại.
     1. Kế hoạch hoạt động 5 năm, bao gồm mục tiêu hàng năm và hệ thống giám sát và đánh giá:
   * Tìm kiếm hướng dẫn từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT), các đối tác liên quan về phương pháp đánh giá tập trung vào kết quả và tác động từ phía người thụ hưởng;
   * Nỗ lực tổng hợp và thể hiện kết quả của toàn bộ lĩnh vực hành động bom mìn chứ không chỉ phản ánh đơn lẻ kết quả của Chương trình 504;
   * Phân công hoặc tuyển dụng thêm cán bộ phụ trách nội dung này;
   * Xây dựng quy trình hoàn thiện và được tích hợp đầy đủ vào kế hoạch quốc gia, với kết quả đầu ra được thu thập từ các cấp tỉnh;
   * Thành lập bộ phận theo dõi và đánh giá tại VNMAC, duy trì hoạt động thường xuyên;
   * Xây dựng khung thời gian phù hợp với chương trình quốc gia do Bộ Kế hoạch & Đầu tư xây dựng.
     1. Quy trình xác định ưu tiên trong hoạt động KPHQBM nhân đạo ở cấp tỉnh, xét trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam:
   * Tham vấn toàn diện về định nghĩa hoạt động KPHQBM nhân đạo và áp dụng vào bối cảnh Việt Nam, đưa vào quy trình xây dựng Thông tư mới để cung cấp kiến thức chung về các loại hành động bom mìn;
   * Xây dựng hệ thống các tiêu chíưu tiên cho hoạt động KPHQBM ở cấp tỉnh và tập trung vào các tỉnh ô nhiễm nặng cũng như đưa vào công tác lập kế hoạch cho năm tiếp theo, với quan điểm sẵn sàng lồng ghép trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động cho giai đoạn tới;
   * Thiết lập và hỗ trợ chức năng điều phối ở cấp tỉnh, đảm bảo vai trò chủ động của chính quyền địa phương.
     1. Chiến lược huy động nguồn lực, và quản lý/ hỗ trợ các cơ chế điều phối về chính sách và kỹ thuật thường xuyên/định kỳ với các đối tác trong nước và quốc tế:
   * Tổ chức/Xúc tiến họp kỹ thuật thường xuyên với các đối tác hỗ trợ hoạt động cho VNMAC và hỗ trợ công tác hành động bom mìn nói chung, bao gồm các tỉnh thành bị ô nhiễm nặng;
   * Bổ nhiệm hoặc tuyển dụng cán bộ có khả năng chuẩn bị và hỗ trợ trong các buổi họp tham vấn hàng năm với các đối tác phát triển, do BCĐ 701 và Bộ KHĐT chủ trì;
   * Trong quá trình chuẩn bị chiến lược và kế hoạch hoạt động cho 5 năm tới cần chuẩn bị chiến lược và chính sách huy động nguồn lực, để sẵn sàng triển khai khi bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm công tác KPHQBM;
   * Hỗ trợ VNMAC soạn thảo báo cáo quốc gia về hành động bom mìn tại Việt Nam, đồng thời cũng để huy động nguồn lực và để báo cáo Ban Chỉ đạo 701 và Quốc hội.
     1. Tầm nhìn/ nhiệm vụ/ và cơ cấu tổ chức của VNMAC, sử dụng tư vấn trong nước để đề xuất cơ chế mới về tổ chức, hệ thống quản lý, yêu cầu về nhân sự và ngân sách đảm bảo thực hiện trách nhiệm của VNMAC như được quy định trong Nghị định 18:
   * Sau khi hoàn thiện Thông tư hướng dẫn cho Nghị định 18, cần bắt đầu xây dựng tầm nhìn và sứ mệnh cho VNMAC;
   * Sử dụng tư vấn trong nước để cùng với VNMAC xây dựng lại cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng cán bộ, sắp xếp quản lý và phương pháp làm việc nhằm đáp ứng vai trò là cơ quan điều phối hành động bom mìn cấp quốc gia, cụ thể với các chức năng và trách nhiệm như điều phối, lập kế hoạch, báo cáo và phối hợp với các bên liên quan. Xây dựng khung thời gian phù hợp để đề xuất và thực hiện điều chỉnh về mặt năng lực nhân viên và ngân sách nhằm đưa vào áp dụng rộng rãi từ 2021;
   * Thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, đặc biệt sử dụng phương pháp tiếp cận theo nhóm, chuẩn bị cho dự án và quản lý, nghiên cứu và phân tích các lĩnh vực hoạt động của VNMAC, bao gồm đánh giá các nhiệm vụ, dự án và tính hiệu quả về chi phí.
     1. Kế hoạch tổng thể triển khai năm 2020 về đào tạo tại chỗ dựa trên nhu cầu phát sinh từ các mục tiêu phát triển năng lực khác:
   * Trong phạm vi kế hoạch hàng năm, xây dựng kế hoạch tổng thể về tập huấn tại chỗ trong năm 2020, tập trung vào các lĩnh vực đã được xác định trong phần phân tích ở trên như: quản lý và giám sát dự án, quản lý tài chính dự án, ngoại ngữ (tiếng Anh) và công tác mua sắm đấu thầu trong dự án;
   * Liên quan đến điểm v ở trên, thiết kế chương trình đào tạo tại chỗ cho nhiều năm nhằm đáp ứng yêu cầu về vai trò của VNMAC là cơ quan điều phối cấp quốc gia về lĩnh vực hành động bom mìn, lồng ghép vào chức năng & nhiệm vụ của trung tâm huấn luyện.
     1. Kế hoạch tổng thể cho từng giai đoạn phát triển của Trung tâm huấn luyện với mục tiêu đạt chuẩn IMAS vào năm 2025:
   * Trong phạm vi đã đề cập ở điểm v ở trên, tham khảo ý kiến các đối tác để xây dựng kế hoạch phát triển trung tâm huấn luyện đạt tiêu chuẩn IMAS;
   * Đảm bảo Trung tâm được phân bổ ngân sách đầy đủ, cấp quản lý có đủ chuyên môn và nhân sự được đào tạo phù hợp với vai trò dự kiến, được BCĐ 701 phê duyệt;
   * Thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo trong lĩnh vực hành động bom mìn cho toàn bộ nhân viên, hướng trung tâm thực hiện các nhu cầu ưu tiên và đảm bảo phương pháp tiếp cận nhất quán;
   * Phối hợp giữa các đối tác để hỗ trợ trung tâm huấn luyện.
     1. Củng cố các quy định về KS&RP và kiểm soát chất lượng để hướng tới tiêu chuẩn quốc tế:
   * Là một nội dung trong quá trình xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện nghị định 18, Việt Nam cần rà soát hệ thống hành động bom mìn để phù hợp với tiêu chuẩn hành động mìn quốc tế (IMAS) với sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, và thống nhất hệ thống chứng nhận, đào tạo và quản lý chất lượng;
   * Nâng cao năng lực quản lý chất lượng của VNMAC bằng cách áp dụng thực tế tốt nhất vào hoạt động ở cấp tỉnh nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động và kết quả báo cáo vào hệ thống QLTT;
   * Hỗ trợ VNMAC rà soát toàn diện tiến độ nghiên cứu và phát triển trong phạm vi kế hoạch đánh giá 5 năm, hỗ trợ nghiên cứu khả thi nhằm xác định các hoạt động cần được ưu tiên thực hiện trong 5 năm tới.
     1. Hệ thống quản lý thông tin và năng lực của VNMAC trong lĩnh vực hành động bom mìn, bao gồm cả năng lực báo cáo về các tiêu chuẩn quốc tế:
   * Xây dựng biện pháp điều phối nhằm đảm bảo các đơn vị báo cáo lên hệ thống quản lý thông tin một cách kịp thời và chất lượng như được yêu cầu trong nghị định 18;
   * Tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực và nhân sự cho trung tâm cơ sở dữ liệu và các văn phòng tại tỉnh, cung cấp hoạt động đào tạo ở nhiều cấp độ dựa trên kết quả đánh giá định kỳ;
   * Cùng với BQP xây dựng quy định về chia sẻ thông tin và dữ liệu nhằm đảm bảo mục đích quản lý cũng như báo cáo ở cấp độ quốc gia và quốc tế.
     1. Vai trò lập kế hoạch và điều phối của VNMAC trong chiến lược quốc gia về HTNN và GDPTTNBM, giám sát và báo cáo các kết quả hoạt động ở cấp tỉnh:
   * Đóng vai trò chủ đạo cùng với các đối tác liên quan để xây dựng chính sách và chiến lược quốc gia về HTNN và GDPTTNBM, như một phần của chiến lược hành động bom mìn và đánh giá kế hoạch 5 năm.
   * Cùng với Bộ LĐ-TBXH xây dựng thông tư chi tiết về vai trò và trách nhiệm với trọng tâm vào công tác điều phối và lập kế hoạch ở cấp tỉnh;
   * Làm rõ báo cáo của bộ LĐ-TBXH vào cơ sở dữ liệu về HTNN của VNMAC, xây dựng quy chế làm việc với VNMAC để báo cáo đầy đủ về các sự cố/ tai nạn bom mìn mới.
     1. Công tác truyền thông, bao gồm trang web và các kênh đa phương tiện nhằm tăng cường hoạt động KPHQBM ở Việt Nam cũng như vai trò của VNMAC, với cơ chế rõ ràng về quyền tiếp cận thông tin:
   * Nâng cao năng lực quản lý trang web, đảm bảo cập nhật thông tin liên tục và phản ánh đầy đủ các hoạt động trong lĩnh vực hành động bom mìn cũng như vai trò của VNMAC;
   * Làm rõ với VNMAC các thông số nhằm tăng cường chia sẻ thông tin về hoạt động KPHQBM sau chiến tranh và vai trò của VNMAC;
   * Tăng cường tương tác với các kênh thông tin đại chúng, cập nhật thông tin trong các hoạt động truyền thông cũng như trên trang web của VNMAC;
   * Cải thiện truyền thông nội bộ như là một phần của công tác rà soát sắp xếp tổ chức và thông qua việc đào tạo tại chỗ cho tất cả cán bộ về các hệ thống CNTT phù hợp

**V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC BỘ LĐ-TBXH VÀ CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG**

63)Báo cáo của Chính phủ về các thành tựu đạt được trong lĩnh vực hỗ trợ nạn nhân bom mìn giai đoạn 2011 – 2015 đã đề cập đến sự phối hợp giữa Bộ LĐ-TBXH và chính quyền địa phương trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ nạn nhân, cụ thể:

* 1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trợ giúp nạn nhân chất độc hóa học và nạn nhân bom mìn, chính sách trợ giúp người khuyết tật. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật về trợ giúp nạn nhân bom mìn và chất độc hóa học, chính sách trợ giúp người khuyết tật và đối tượng bảo trợ xã hội được ban hành gồm: Bộ Luật Lao động; Luật Người khuyết tật; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; Quyết định số 1019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
  2. Phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội và phục hồi chức năng cho nạn nhân bom mìn, qua đó thực hiện Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. Đến nay, mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã được hình thành và phát triển trên phạm vi cả nước với 425 cơ sở trợ giúp xã hội; trong đó, có 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật (bao gồm nạn nhân bom mìn và chất độc hóa học) và 45 trung tâm công tác xã hội chuyên biệt, mạng lưới này cung cấp các dịch vụ, phục hồi chức năng, hướng nghiệp dạy nghề và công tác xã hội đối với những người khuyết tật. Các tỉnh, thành phố đang từng bước chuyển đổi hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội sang hoạt động theo mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với các đối tượng cần trợ giúp xã hội, bao gồm trong đó có nạn nhân bom mìn và chất độc hóa học.
  3. Phát triển mạng lưới cộng tác viên công tác xã hội ở các tỉnh/thành phố trên cả nước. Hiện đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên làm công tác xã hội có khoảng 235.000 người, trong đó có 35.000 người là công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội công lập và ngoài công lập; gần 100.000 người làm việc tại các hội, đoàn thể các cấp; và trên 100.000 cộng tác viên giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em và phát triển cộng đồng
  4. Xây dựng các mô hình trợ giúp nạn nhân bom mìn hòa nhập cộng đồng, đã thí điểm mô hình trợ giúp người khuyết tật, nạn nhân bom mìn và chất độc hóa học hòa nhập công đồng tại một số tỉnh, thành phố. Mô hình tập trung vào các hoạt động:
     1. Phát hiện, can thiệp để phục hồi chức năng cho người khuyết;
     2. Dạy nghề gắn với tạo việc làm cho người khuyết tật, trợ giúp người khuyết tật học nghề và tìm việc làm tại gia đình và nơi cư trú;
     3. Hỗ trợ sinh kế cho người khuyết tật hòa nhập cộng đồng.

64) Kế hoạch cho giai đoạn 2016 – 2020 là xây dựng và triển khai các dự án hỗ trợ nạn nhân nhằm nâng cấp các trung tâm y tế chỉnh hình và cung cấp thiết bị phục hồi chức năng cho khoảng 1.000 nạn nhân, đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm cho khoảng 500 nạn nhân, nâng cấp 50 trạm y tế cấp xã nhằm cung cấp dịch vụ kịp thời cho nạn nhân bom mìn (NNBM) tại các tỉnh bị ô nhiễm nặng và có tỷ lệ tai nạn cao.

65) Về Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM) giai đoạn 2011 – 2015, kết quả báo cáo của chính phủ cho thấy nỗ lực chủ yếu tập trung vào việc triển khai các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng và phối hợp với VNASMA thí điểm các hoạt động tuyên truyền cho người dân tại một số tỉnh.

66) Kế hoạch giai đoạn 2016-2020 là triển khai các hoạt động tuyên truyền trên phương tiện truyền thông đại chúng, nâng cao nhận thức cho cộng đồng thông qua đài phát thanh, truyền thông qua hình ảnh hay video…tại tất cả các tỉnh thành còn xảy ra tai nạn bom mìn – theo kết quả của khảo sát về tác động của bom mìn vật nổ sau chiến tranh, và tổ chức hội thảo/ hội nghị về các hoạt động của Chương trình 504.

**“Có mối liên hệ giữa tỷ lệ đói nghèo và tác động của BMVN”. “Nếu coi việc giảm số lượng nạn nhân do BMVN hàng năm là chỉ báo thích hợp thì có thể nói ‘khả năng thích ứng với BMVN’ của người dân đã có nhiều tiến bộ. Các phân tích chỉ ra mối liên hệ giữa việc tuyên truyền phòng tránh tai nạn bom mìn với việc giảm số lượng nạn nhân do BMVN. Đây chính là minh chứng sinh động của việc nâng cao nhận thức và khả năng thích ứng của cộng đồng đối với sự ô nhiễm BMVN.” (Báo cáo hiện trạng tồn lưu, ô nhiễm vật nổ sau chiến tranh ở Việt Nam trên cơ sở thực hiện dự án điều tra, lập bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ trên phạm vi toàn quốc – giai đoạn 1, năm 2016).**

**ĐÁNH GIÁ CÁC HẠN CHẾ**

67) Hiện nay chưa có hệ thống dữ liệu đầy đủ, chi tiết và cập nhật về các hoạt động hỗ trợ NNBM ở cả cấp trung ương và địa phương, chỉ có ước tính về số lượng NNBM bị ảnh hưởng sau chiến tranh. Vì vậy, một trong những ưu tiên hàng đầu khi lập kế hoạch về hành động bom mìn là xây dựng cơ sở dữ liệu về tất cả các nạn nhân bom mìn và thành viên gia đình họ, liên kết với dữ liệu của VNMAC. Khó có thể thu thập thông tin đầy đủ của toàn bộ các nạn nhân trong quá khứ do các nạn nhân đã lớn tuổi và thời gian xảy ra tai nạn đã lâu. Bên cạnh đó, số ca tai nạn cũng giảm đáng kể trong những năm gần đây, hi vọng con số này còn tiếp tục giảm do tác động của hoạt động GDPTTNBM và KS&RP được triển khai. Chẳng hạn, trong năm 2018 chỉ có 10 ca tai nạn trên địa bàn hai tỉnh của dự án và tổng số ca tai nạn trên toàn quốc là 13.

68) Yếu tố thứ hai là các hoạt động hỗ trợ NNBM thuộc hệ thống quốc gia về hỗ trợ xã hội cho người khuyết tật (NKT) và người nghèo (người nghèo chiếm tỉ lệ cao tại các tỉnh bị ô nhiễm bom mìn nặng, do vậy họ được hỗ trợ ngay cả trong trường hợp không bị khuyết tật do tai nạn bom mìn). Vì vậy hệ thống quản trị bảo trợ xã hội của nhà nước chưa có hệ thống riêng cho NNBM. Công tác hỗ trợ nạn nhân gặp phải nhiều thách thức hơn do hậu quả còn ảnh hưởng đến nhiều thế hệ. Áp lực hỗ trợ 6,2 triệu người khuyết tật (theo kết quả khảo sát mới nhất được thực hiện năm 2016), trong đó Chính phủ ưu tiên hỗ trợ các trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng – chiếm khoảng 15%. Có khoảng 30% NKT đủ điều kiện để nhận hỗ trợ xã hội. Hiện nhà nước đang vận hành 8 trung tâm phục hồi chức năng cho NKT, và đang triển khai nâng cấp một số trung tâm. Cần trú trọng hỗ trợ các ca tai nạn mới, với các dịch vụ hỗ trợ đa dạng, và bắt đầu triển khai trên phạm vi toàn quốc.

69) Hệ thống thu thập thông tin về NKT hiện đang sử dụng đã được IC triển khai thử nghiệm cho NNBM tại 3 tỉnh. Hiện hệ thống này đã được áp dụng tại hai tỉnh trong phạm vi dự án KV-MAP với một số cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. IC kỳ vọng tiếp tục hỗ trợ để đưa hệ thống triển khai trên phạm vi toàn quốc, bao gồm cả việc phát triển ứng dụng trên điện thoại. Người khuyết tật có thể đăng ký thông tin trực tuyến với sự hỗ trợ từ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã. 400 cán bộ và cộng tác viên công tác xã hội đã được đào tạo về thu thập, đăng ký thông tin người khuyết tật trên hệ thống quản lý thông tin. Nhìn chung, hoạt động này cần được thúc đẩy nhanh hơn. Ở cấp địa phương, dữ liệu từ hoạt động đăng ký thông tin sẽ hỗ trợ cấp giấy chứng nhận khuyết tật và thu thập thông tin về nhu cầu của người khuyết tật liên quan đến tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ của Chính phủ. Bộ LĐ-TBXH đang sử dụng hệ thống quản lý trường hợp để quản lý các ca nặng cần hỗ trợ đặc biệt. Các trường hợp khác được tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sẵn có của chính phủ (ví dụ như thẻ bảo hiểm y tế). Đối tượng là thương binh được hưởng thêm các hỗ trợ từ phía Bộ Quốc Phòng.

70) Dữ liệu thu thập qua hệ thống của Bộ LĐ-TBXH tập trung vào trợ giúp NNBM nên không đồng nhất với dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin hành động bom mìn (IMSMA), vd như thông tin về nguyên nhân tai nạn, loại bom mìn vật nổ liên quan và thông tin về tác động cụ thể. Do vậy, VNMAC nên phân công cán bộ/ hoặc nhân viên quân sự địa phương - người thu thập thông tin trực tiếp từ vụ tai nạn để thu thập các thông tin chi tiết nói trên và báo cáo vào trung tâm cơ sở dữ liệu của VNMAC.

71) Tổ chức CRS đã hỗ trợ nạn nhân trên địa bàn hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình được 5 năm, với cơ sở dữ liệu lên tới 3000 nạn nhân. CRS hoạt động ở cấp xã với hình thức cấp kinh phí hỗ trợ theo tháng cho các nhóm tình nguyện viên nhằm cung cấp hỗ trợ và giúp đỡ các nạn nhân tiếp cận dịch vụ hỗ trợ. Trưởng nhóm hỗ trợ thường là cán bộ của sở lao động xã hội ở địa phương. Theo chia sẻ từ Bộ LĐTBXH, năng lực xử lý ở cấp xã đang là vấn đề khó khăn nhất đối với hệ thống dịch vụ xã hội của chính phủ. Kể từ năm 2010 đến nay, các dịch vụ xã hội đã tiếp cận tới 40 tỉnh thành, hiện một dự luật mới đang được dự thảo nhằm củng cố vị trí của các cán bộ xã hội và điều kiện cung cấp dịch vụ. Đây được coi là biện pháp đối phó với tình trạng nghỉ và thay đổi công việc cao.

72) Nguồn lực của chính phủ để đáp ứng các nhu cầu về nhiều mặt của người khuyết tật còn hạn chế, vì vậy vai trò đóng góp ngân sách từ tỉnh cũng rất quan trọng. VNASMA được thành lập với tư cách là một tổ chức xã hội của các cá nhân tự nguyện có mạng lưới hoạt động ở ở cấp quốc gia, sử dụng ngân sách được huy động từ nhiều nguồn của chính phủ và doanh nghiệp tư nhân để cung cấp hỗ trợ không thường xuyên cho nạn nhân bom mìn. Dù đã hỗ trợ được hơn 5.000 cá nhân trong vòng 4 năm qua nhưng số lượng thành viên tham gia mạng lưới hội và phạm vi hoạt động vẫn chưa đáp ứng được mong đợi. Việc có được hệ thống dữ liệu tốt hơn và thông tin cụ thể về nhu cầu của các nạn nhân sẽ hữu ích trong việc hỗ trợ toàn diện cho người khuyết tật. Mặc dù dự án KV-MAP khuyến khích huy động thêm nguồn lực từ khối doanh nghiệp tư nhân nhưng thông tin về nguồn lực cụ thể vẫn chưa rõ ràng, đặc biệt ở các khu vực nông thôn. Vì vậy, cần thiết hỗ trợ thử nghiệm các mô hình cộng đồng hỗ trợ nạn nhân bom mìn, có thể dưới hình thức tổ chức tự nguyện hoặc thông qua các tổ chức phi chính phủ tại địa phương. Các cộng đồng này có thể có thể tiếp nhận ngân sách từ chính phủ để cung cấp dịch vụ hỗ trợ và dần dần tiến tới các hoạt động phát triển bền vững hơn và chủ động tạo ra thị trường.

73) Trở ngại chính của GDPTTNBM là thiếu chính sách và chiến lược tổng thể quốc gia, dẫn tới việc quyền lãnh đạo bị phân tán ở cấp địa phương (chẳng hạn, Bộ Giáo dục và đào tạo chỉ đạo các trường và giáo viên tại các trường sử dụng tài liệu do CRS cung cấp lồng ghép thông tin về truyền thông phòng tránh tai nạn bom mìn trong một số tiết học; hay ở cộng đồng là việc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hỗ trợ hoạt động của sở LĐ-TBXH bằng cách phối hợp với các tổ chức xã hội khác như hội liên hiệp phụ nữ, đoàn thanh niên, cán bộ xã, và các kênh truyền thông đa phương tiện tại địa phương để tổ chức hoạt động). Về mặt kỹ thuật, đầu mối quân sự ở địa phương sẽ cung cấp các kiến thức chuyên ngành cho hoạt động. Tại các tỉnh bị ô nhiễm bom mìn nặng, cách tiếp cận này đã đang được áp dụng với sự đồng thuận từ lãnh đạo cấp tỉnh và kết quả cũng rất khả quan. Một số điều chỉnh, dựa trên kết quả khảo sát về Nhận thức – Thái độ - Hành vi (KAP), đã được áp dụng trên địa bàn hai tỉnh thuộc dự án KV-MAP với sự hỗ trợ của CRS.

74) Khuyến nghị thể chế hóa phương pháp này ở cấp tỉnh và lồng ghép vào chiến lược/ chính sách quốc gia (VNMAC có thể sẽ là cơ quan đi đầu lãnh đạo), từ đó cung cấp thông tin vào báo cáo quốc gia và thực hiện đánh giá hiệu quả. Sự tham gia của cộng đồng có vai trò quan trọng, và không nên nhầm lẫn với các sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng nói chung, ví dụ như ngày thế giới nâng cao nhận thức về bom mìn (04/04) và các hoạt động tương tự của VNMAC.

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC BỘ LĐ-TBXH**

75) Công tác đánh giá được thực hiện thông qua các cuộc gặp gỡ/ trao đổi tại Hà Nội với đại diện từ Bộ LĐ-TBXH, VNMAC, dự án KV-MAP, IC và CRS mà không áp dụng phương pháp tự đánh giá năng lực. Một phần do Bộ LĐ-TBXH đã có hệ thống/cơ chế bảo trợ xã hội chung về HTNN, và kinh nghiệm của CRS trong GDPTTNBM. Qua các cuộc trao đổi, hiện Bộ không có nhu cầu hỗ trợ ngoài những hỗ trợ đã được dự án KV-MAP cung cấp tại hai tỉnh nói riêng và ở cấp quốc gia nói chung.

76) Trong chiến lược quốc gia và chính sách hiện nay, chưa có chính sách riêng cho hoạt động HTNN và GDPTTNBM. Việc xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 18 là cách tiếp cận giúp xây dựng một thỏa thuận mang tính thể chế rõ ràng hơn giữa Chính phủ và cấp tỉnh, đặc biệt là trong lĩnh vực GDPTTNBM. Liên quan đến việc điều phối quốc gia có thể xem xét đến vai trò VNMAC điều phối chung trong chính sách và chiến lược, giống như trong các hợp phần khác của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, giám sát kết quả và báo cáo tiến độ. Về việc thực hiện HTNN và GDPTTNBM, trách nhiệm chính sẽ nằm ở cấp tỉnh. Cần phối hợp/ tích hợp chặt chẽ giữa các ưu tiên trong khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh với kế hoạch hoạt động KS&RP và GDPTTNBM.

77) Tương tự, nhu cầu về HTNN cần được theo dõi thông qua hệ thống của Bộ LĐ\_TBXH, và vẫn cần sự hỗ trợ từ cả địa phương lẫn cộng động quốc tế nhằm nâng cấp/ củng cố chương trình bảo trợ xã hội cấp nhà nước. Do sự kết nối hệ thống quốc gia ở cấp xã còn yếu, với tỷ lệ thay đổi công việc cao và thiếu nguồn nhân lực chất lượng, cần duy trì các hoạt động huy động tình nguyện viên ở cấp xã, như CRS đang triển khai, nhằm hỗ trợ hoạt động của Bộ LĐ-TBXH và hỗ trợ nạn nhân đăng ký tiếp cận dịch vụ. Đây cũng là lĩnh vực mà quan hệ hợp tác công tư cần được thúc đẩy nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nạn nhân. Kế hoạch tăng cường năng lực cho cán bộ xã hội của Bộ LĐ-TBXH sẽ góp phần củng cố hệ thống ở cấp xã. Việc chính quyền cấp tỉnh có ngân sách hỗ trợ cũng sẽ giúp củng cố vị thế lãnh đạo của họ trong các hoạt động ở cấp tỉnh.

78) VNMAC có thể chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác báo cáo các ca tai nạn bom mìn mới vào hệ thống quản lý thông tin hành động bom mìn (IMSMA). Do vậy cần xác định cơ chế chia sẻ và kết hợp thông tin giữa VNMAC và hệ thống thông tin quốc gia về NKT do Bộ LĐ-TBXH vận hành.

Đối với các ca tai nạn mới VNMAC nên có cơ chế đảm bảo cán bộ địa phương thu thập đủ thông tin chi tiết của các ca tai nạn, ngoài các thông tin đã được Bộ LĐ-TBXH thu thập, để phục vụ cho công tác trợ giúp NNBM và NKT.

**VI. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO BỘ LĐ-TBXH**

79) Các can thiệp chính đã được trình bày ở trên và có thể được hiện thực hóa thông qua một số hoạt động đây:

* + 1. Bộ LĐ-TBXH có ý kiến đóng góp vào chính sách phát triển và chiến lược quốc gia do VNMAC điều phối bao gồm cả việc quy định rõ về vai trò của các bên trong thông tư của Nghị định 18, đặc biệt là trong lĩnh vực GDPTTNBM.
    2. Bộ LĐ-TBXH triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về người khuyết tật, đẩy mạnh triển khai mở rộng ở cấp tỉnh với sự hỗ trợ từ IC, đồng thời chia sẻ, kết hợp với dữ liệu hệ thống IMSMA tại VNMAC.
    3. VNMAC chủ trì, phối hợp với Bộ LĐTBXH và các địa phương để báo cáo đầy đủ các ca tai nạn bom mìn mới lên hệ thống IMSMA.
    4. Bộ LĐ-TBXH, với sự hỗ trợ của các bên, ghi chép lại kinh nghiệm phối hợp với đội ngũ tình nguyện viên và nâng cao năng lực về công tác xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của nạn nhân, mở rộng quan hệ hợp tác công tư để cung cấp các dịch vụ tốt hơn cho nạn nhân.

**ⅤII. CÁC BƯỚC TIẾP THEO**

80) Báo cáo này cung cấp các khuyến nghị cho chiến lược và kế hoạch nâng cao năng lực cho VNMAC và MOLISA, với nội dung chính tập trung vào VNMAC. Do hạn chế về mặt thời gian, hoạt động đánh giá chủ yếu thực hiện ở phạm vi rộng và được xét trong tất cả các khía cạnh khả thi của ngành. Thời gian dự kiến để nâng cao năng lực là 18 tháng, với mục đích chính là hoàn thành kế hoạch 5 năm hiện tại và chuẩn bị triển khai thành công kế hoạch tham vọng hơn cho giai đoạn sau từ năm 2021.

81) Các khuyến nghị trong báo cáo cần được tham vấn các cán bộ quản lý cấp cao của VNMAC, Bộ LĐ-TBXH, BCĐ 701 và các đối tác khác hoạt động trong lĩnh vực, để xây dựng kế hoạch hành động và chiến lược nâng cao năng lực cho từng tổ chức ở cấp độ thực hiện. Ngày càng có nhiều sự quan tâm chú ý tới công tác hỗ trợ KPHQBM sau chiến tranh tại Việt Nam, do vậy khuyến nghị VNMAC áp dụng biện pháp tiếp cận toàn diện có điều phối với các bên liên quan trong tham vấn triển khai thực hiện các khuyến nghị hành động. Như vậy, nguồn lực có hạn của dự án KV-MAP sẽ được tập trung vào các khu vực ưu tiên, nơi chưa có hỗ trợ từ các đối tác khác; trong khi dự án KV-MAP còn có lợi thế đáng kể bởi VNMAC có thể triển khai hoạt động ở cả cấp trung ương và địa phương. Tóm lại, việc VNMAC áp dụng phương pháp tiếp cận toàn diện có điều phối hợp tác với các bên liên quan sẽ đem lại nhiều lợi ích trong triển khai hoạt động.

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1: Giới thiệu tóm tắt về Dự án KV-MAP**

**Dự án Việt Nam – Hàn Quốc**

**Hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh**

## **Thông tin Dự án**

Dự án phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (SEDP) giai đoạn 2016-2020, các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đặc biệt là mục tiêu SDG 11 và SDG 16 và Kế hoạch Chiến lược chung giai đoạn 2017-2021 giữa Chính phủ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổ chức Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. Sự can thiệp này nhằm mục đích tăng cường quản trị và quản lý chương trình hành động bom mìn quốc gia ở Việt Nam.Cụ thể là, Dự án nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình Hành động bom mìn quốc gia giai đoạn 2010 – 2025, còn được gọi là Chương trình 504, thông qua hỗ trợ chương trình và kỹ thuật cần thiết để đạt được những mục tiêu đặt ra trong chương trình đầy tham vọng này. Do đó, Trung tâm Hành động bom mìn quốc gia (sau đây gọi tắt là VNMAC), Bộ Lao động, thương binh và xã hội (Bộ LĐTBXH), Bộ Quốc phòng (BQP) và Uỷ ban nhân dân các tỉnh Bình Định và Quảng Bình là các Đối tác có trách nhiệm. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) cũng sẽ tham gia với vai trò đầu mối của Nhóm đối tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam (MAPG).

Ngày 09/03/2018 tại tỉnh Quảng Bình, Dự án đã chính thức khởi động với sự tham gia của đại diện các bên KOICA, UNDP, đại diện của chính phủ hai nước gồm có bà Lee Miyon, Công sứ Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, và ông Nguyễn Chí Vịnh, thứ trưởng Bộ Quốc Phòng Việt Nam.

**Đối tượng tác động**

Nhóm mục tiêu đích trực tiếp của Dự án là các cơ quan nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm về lĩnh vực hành động bom mìn bao gồm: Trung tâm Hành động Bom mìn Quốc gia Việt Nam (VNMAC), Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (MOLISA), Bộ Quốc Phòng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bình Định cũng như các nạn nhân bom mìn, đối tượng sẽ được hỗ trợ một cách tích cực. Nhóm đích không trực tiếp của Dự án còn có những người dân Việt Nam được hưởng lợi từ hoạt động làm sạch đất và phục hồi phát triển kinh tế

## **Các mục tiêu chính**

* Tăng cường khả năng quản lý hành chính công trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh bằng cách xây dựng năng lực cho VNMAC và BLĐTBXH trong việc lập kế hoạch, xác định ưu tiên, giám sát và đánh giá.
* Thực hiện khảo sát kỹ thuật, rà phá an toàn và hiệu quả lên tới 8.000 hecta (dựa trên kết quả khảo sát) tại các khu vực ưu tiên của tỉnh Quảng Bình và Bình Định.
* Xây dựng và cung cấp các biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả cho nạn nhân bom mìn được xác định tại hai tỉnh Quảng Bình, Bình Định, hỗ trợ phát triển hơn nữa các khía cạnh liên quan tới hệ thống quốc gia cho người khuyết tật, và hỗ trợ nâng cao nhận thức về nguy cơ bom mìn cho người dân tại hai tỉnh mục tiêu của Dự án.
* Củng cố khả năng quản lý về nguy cơ bom mìn ở phạm vi quốc gia, bao gồm tăng cường khả năng quản lý thông tin bom mìn trên toàn quốc

## **Kết quả kỳ vọng**

* Năng lực thể chế của VNMAC và Bộ LĐTBXH được nâng cao để tiếp tục tăng cường đóng góp vào các hoạt động giải quyết hậu quả bom mìn nhằm phát triển con người tại các khu vực bị ô nhiễm bom mìn.
* Các cộng đồng bị ô nhiễm tại Quảng Bình và Bình Định được sống sạch hơn nhờ các hành động can thiệp về khắc phục hậu quả bom mìn nhằm hỗ trợ phát triển con người, nhân phẩm và sinh kế.

## **Các hợp phần chính**

Dự án gồm có 04 hợp phần chính như sau:

* **Khảo sát và rà phá:** Tiến hành khảo sát nhằm xác định các Khu vực Khẳng định nguy hiểm (CHA), lưu trữ kết quả vào Hệ thống quản lý thông tin Hành động bom mìn (IMSMA) và thực hiện rà phá tại các khu vực CHA, đào tạo các kỹ năng và công nghệ mới.
* **Quản lý thông tin:** Củng cố dữ liệu thông tin về hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh phục vụ hoạch định chính sách, xác định ưu tiên, thành lập Văn phòng điều phối và Trung tâm cơ sở dữ liệu do VNMAC quản lý tại Đà Nẵng; đào tạo nhân lực, cung cấp phần cứng và hỗ trợ kỹ thuật để quản lý thông tin hành động bom mìn.
* **Giáo dục nguy cơ bom mìn:** Tổ chức hội thảo với các bên liên quan nhằm chia sẻ các thực tiễn tốt nhất về giáo dục nguy cơ bom mìn; đào tạo chuyên gia và nhân lực tham gia các hoạt động giáo dục, xác định thực tiễn tốt nhất để nhân rộng ra các khu vực khác hoặc chương trình giáo dục nguy cơ bom mìn trên toàn quốc**.**
* **Hỗ trợ nạn nhân:** Thu thập và nhập dữ liệu về nạn nhân bom mìn tại Quảng Bình và Bình Định vào IMSMA, đảm bảo dữ liệu được chia sẻ trên hệ thống thông tin của Cục Bảo trợ/ BLĐTBXH; cung cấp các dịch vụ y tế, phục hồi chức năng cũng như đào tạo nghề và kỹ năng cho các nạn nhân bom mìn còn sống sót.

**Phụ lục 2: Danh sách những nhân vật Tư vấn đã gặp gỡ và trao đổi trong hoạt động đánh giá năng lực.**

Chính Phủ Việt Nam

Ông Thân Thành Công, Chánh Văn phòng Cơ quan Thường trực, Văn Phòng BCĐ 701;

Ông Nguyễn Hạnh Phúc, Phó Tổng giám đốc VNMAC;

Ông Nguyễn Văn Nghiệp, Phó Tổng giám đốc VNMAC;

Ông Nguyễn Ngọc Thụy, Phó Trưởng ban Cơ sở dữ liệu VNMAC;

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng, Trợ lý Ban Đối ngoại, VNMAC

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Trợ lý Ban Đối ngoại, VNMAC

Ông Trần Đình Thành, Cán bộ, Phòng Kế hoạch và Điều phối, VNMAC

Bà Đỗ Kim Dung, Cán bộ Quản lý thông tin, VNMAC

Ông Tô Đức, Phó Cục trưởng, Cục Bảo trợ Xã hội, Bộ LĐ-TBXH

Ông Đoàn Hữu Minh, Trưởng phòng Hỗ trợ nạn nhân, Cục BTXH, Bộ LĐ-TBXH

Các đối tác quốc tế:

Bà Cho Jung-Myung, Phó Giám đốc Quốc gia, KOICA

Bà Lee Jun Hong, Quản lý Chương trình, KOICA

Bà Hoàng Hạnh Nguyên, Chuyên gia ODA, KOICA

Ông Edward Rowe, Cố vấn Kỹ thuật cao cấp cho VNMAC (NPA)

Ông Serif Bajric, Cố vấn Quản lý thông tin VNMAC (NPA)

Bà Nguyễn Thu Hà, Giám đốc, Chương trình Hành động bom mìn, Tổ chức IC

Ông James McCormick, Bí thư thứ nhất về chính trị, Đại sứ quán Hoa Kỳ

Ông Nguyễn Tiến Trường, Cán bộ, Sứ quán Hoa Kỳ

Bà Tạ Thị Hải Yến, Giám đốc Chương trình Hành động bom mìn, CRS

Liên Hợp Quốc

Bà Caitlin Wiesen, Đại diện thường trú tại Việt Nam

Bà Sitara Syed, Phó Đại diện thường trú tại Việt Nam

Bà Catherine Phuong, Trợ lý Đại diện thường trú, Trưởng phòng Quản trị & Tham gia

Ông Nils Christensen, Cố vấn trưởng

Bà Bùi Phương Trà, Chuyên gia phân tích chương trình

Ông Peter Francis Hindy, Cố vấn Quản lý chất lượng

Trần Quang Lâm, Quản đốc Dự án

Bà Đinh Lê Quân, Quản lý hợp phần Khảo sát & Rà phá

Bà Nguyễn Thanh Vân, Quản lý hợp phần Hỗ trợ nạn nhân và Giáo dục Phòng tránh nguy cơ bom mìn

Phan Đức Tuấn, Cố vấn Quản lý chất lượng

Bà Emily Bak, Cán bộ hỗ trợ Dự án

Bà Hà Thị Phương, Biên/ phiên dịch

Bà Nguyễn Phương Anh, Trợ lý dự án

Bà Han Mijeong, Cán bộ Hợp tác quốc tế

Bà Nguyễn Minh Châu, Trợ lý dự án

Bà Lê Kim Dung, Cán bộ mua sắm đấu thầu

Bà Mizuho Okimoto-Kaewtathip,Trưởng Chương trình Chính sách Xã hội & Quản trị công, UNICEF.

**Phụ lục 3: Danh sách các tài liệu tham vấn trong quá trình đánh giá năng lực**

Các tài liệu cấp quốc gia:

Mine Action Partnership Group (MAPG). *Summary Report of the First Meeting of MAPG.* Hanoi, 2017.

Trung tâm Hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam (VNMAC), (2016). *Bài trình bày của VNMAC trong nhóm LWG về Cập nhật tiến độ Chương trình 504*, Hà Nội.

Trung tâm Hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam (VNMAC), (2016). *Báo cáo hiện trạng tồn lưu, ô nhiễm bom mìn vật nổ sau chiến tranh ở Việt Nam trên cơ sở thực hiện dự án điều tra, lập bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ trên phạm vi toàn quốc - giai đoạn 1*, VNMAC, Hà Nội.

Trung tâm Hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam (VNMAC), (2018). *Giới thiệu tóm tắt về công tác KPHQBM sau chiến tranh tại Việt Nam*, Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ, (2014). *Quyết định 319 về việc thành lập VNMAC*, Hà Nội.

Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, (2010). *Chương trình Hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2010 – 2025*, Hà Nội.

Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, (2019). *Nghị định số 18/2019 NĐ-CP về quản lý và thực hiện hoạt động KPHQBM sau chiến tranh*, Hà Nội.

Các tài liệu ở cấp tỉnh

Ban Chỉ đạo khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tỉnh Quảng Trị, (2018). *Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Trung tâm Khắc phục hậu quả Bom mìn sau chiến tranh tỉnh Quảng Trị*, Đông Hà.

UBND tỉnh Quảng Trị, (2016). *Chương trình Hành động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025*, Đông Hà.

Các tài liệu của Liên Hợp Quốc

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, (2019). *Kế hoạch hoạt động dự án KV-MAP năm 2019*, Hà Nội.

Juergensen Olaf, United Nations Development Programme in Vietnam, (2019). *National Capacity Development in Mine Action: A UNDP perspective,* Geneva.

Jones Terrence, United Nations Development Programme in Lao PDR (2015). *Capacity Development Strategies of UXO Sector institutions in Lao PDR: NRA and UXO Lao,* Vientiane*, Lao.*

United Nations (2016). *The United Nations Policy on Victim Assistance in Mine Action (2016 Update),* NewYork.

UNMAS (2018). *The United Nations Mine Action Strategy: 2019-2023,* New York.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, (3/2019). *Điều khoản tham chiếu cho Tư vấn Quốc tế về thực hiện Đánh giá năng lực cho VNMAC và Bộ LĐ-TBXH*, Hà Nội.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, (2018). *Văn kiện Dự án KV-MAP*, Hà Nội.

United Nations Development Programme. *Strengthening Capacities for Disaster Risk Reduction: A Primer*. Bangkok, 2011.

United Nations Development Programme Bureau for Policy and Programme Support. *Mine Action for Sustainable Development: UNDP’s Development and Mine Action Support Framework*. New York, 2016

United Nations Development Programme IEO New York. *Evaluation of the UNDP Contribution to Mine Action, Full Report*. New York, 2016

United Nations Development Programme IEO New York. *Evaluation of the UNDP Contribution to Mine Action, Country Case Study: Lao People’s Democratic Republic.* New York, 2016

United Nations Development Programme and GICHD*. Leaving No One Behind: Mine Action and the Sustainable Development Goals*. Geneva, 2017

United Nations Development Programme, the UN Office of the High Commissioner for Human Rights and the Asia Pacific Forum of National Human Rights Institutions. *Capacity Assessment Manual for National Human Rights Institutions*. Bangkok, 2011.

Tài liệu từ các tổ chức quốc tế khác

Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc và Bộ Quốc phòng Việt Nam, (2016). *Biên bản thảo luận giữa KOICA và Bộ Quốc Phòng về Dự án KV-MAP*, Hà Nội.

Korea International Cooperation Agency, (2016). *KOICA Project for Demining and UXO Clearance in Vietnam: Report of the Second Feasibility Study,* Hanoi*.*

Korea International Cooperation Agency, (2016) *Implementation Plan for KOICA Project (draft),* Hà Nội.

Trung tâm tư vấn Đầu tư và Nâng cao sức khỏe (CIHP), (2004). *Báo cáo đánh giá giai đoạn thử nghiệm của Dự án Renew*,Hà Nội.

Guthrie, Jonathon. Vietnam National Mine Action Centre. *Capacity and Needs Assessment Report*. Hanoi, 2016.

Landmine Working Group, minutes of meeting, Hanoi, August 2016 and Hanoi, December 2018

Landmine Working Group]. *Capacity Development Work Plan between VNMAC and International Stakeholders: Period 2018 to 2020.* Hanoi, 2018

Landmine Working Group. *VNMAC 2018 Capacity Development Work Plan Needs Matrix*]. Hanoi, 2018

Mine Action Review. *Clearing Cluster Munition Remnants 2018 Report, Vietnam Country Chapter, Mine Action Review.* Oslo, 2018

International Campaign to Ban Landmines and Cluster Munition Coalition. Landmine and Cluster Munition Monitor. *Vietnam - Cluster Munition Ban Policy, Last updated: 09 July 2018*, Geneva, 2018

International Campaign to Ban Landmines and Cluster Munition Coalition. Landmine and Cluster Munition Monitor. *Vietnam - Mine Ban Policy, Last updated: 24 October 2017*. Geneva, 2017

International Campaign to Ban Landmines and Cluster Munition Coalition. Landmine and Cluster Munition Monitor. *Land Mine Monitor 2018 Report, Vietnam Country Chapter*. Geneva, 2018.

Yunker, Claire. (2015). Peace Trees' EOD Program in Vietnam. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Gasser, Russel. (2015). Quality Management in Vietnam: Building a National ISO 9001 System. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Guthrie, Jonathon (Norwegian People's Aid), and Portia Stratton (Mines Advisory Group) (2015). The Quang Tri Integrated Survey and Clearance Project. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Sutton, S (Mines Advisory Group). 2015. Vietnam 40 Years After the War. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Nguyen, H (Veterans of America Foundation). (2015). Vietnam Veterans of America Foundation. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Yen, T.T. H (Catholic Relief Services). (2015). Mine Risk Education in Vietnam. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Macauley, Cameron, and Heather Holsinger (2015). Building Capacity to Promote the Rights of People with Disabilities in Vietnam. *Journal of ERW and Mine Action*, vol 19.1.

Swiss Campaign to Ban Land Mines, for the Geneva International Centre for Humanitarian Demining (GICHD). *Main report: Gender Review of the International Mine Action Standards*. Geneva, 2009.

Bonnet, Marc, Geneva International Centre for Humanitarian Demining (GICHD). *Sustainable Capacity Development Focus on National Mine Action Authorities*. Geneva, 2019.

The Organization of American States (OAS). *Experiences in Capacity Development in Mine Action*. Geneva, 2019.

Hue, Duong Trong. *Post War Legacy and Poverty: Case Study of the Landmine/UXO Problem in Rural Communities in Quang Tri Province, Vietnam*, 2005.

**Phụ lục 4: Điều khoản tham chiếu**

**Tư vấn Quốc tế về Công tác Đánh giá Năng lực**

**cho VNMAC và Bộ LĐ-TBXH**

|  |
| --- |
| **Dự án:** Việt Nam – Hàn Quốc Hợp tác Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh  **Yêu cầu về ngôn ngữ:** Tiếng Anh  **Địa điểm làm việc:** Hà Nội, Việt Nam, có thể làm việc tại nhà hoặc đi công tác khi cần thiết T**hời gian làm việc dự kiến:** 15 ngày làm việc trong khoảng thời gian từ 01/03 -30/4/2019. |
|  |

1. Bối cảnh:

Sau nhiều năm chiến tranh, đất đai và con người Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi bom mìn và vật liệu chưa nổ (sau đây gọi là vật nổ sót lại sau chiến tranh). Sự tồn tại của vật nổ sót lại sau chiến tranh có ảnh hưởng tiêu cực đến mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Nó làm chậm tiến độ và tăng chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật; gây cản trở người dân canh tác đất đai do lo sợ bom mìn. Do đó, ở một số khu vực, đất đai ngày càng trở nên cằn cỗi trong khi chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn đối với sự an toàn của người dân. Nó trở thành gánh nặng tâm lý, kinh tế và xã hội của người dân ở những khu vực bị ô nhiễm. Việc loại bỏ vật nổ sót lại sau chiến tranh vẫn là giải pháp hiệu quả nhất bởi công việc này nhằm phát hiện, loại bỏ và tiêu diệt nguồn gốc của các tác động do vật nổ gây ra tại các địa phương.

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã dành sự quan tâm đặc biệt tới việc hoàn thiện hệ thống quản lý và điều phối, tài trợ và hướng dẫn thực hiện có hiệu quả công tác khắc phục hậu quả bom mìn. Hàng năm, nhiều nỗ lực đã được thực hiện để rà phá vật nổ sót lại sau chiến tranh để giải phóng và phục hồi đất cho canh tác, bảo đảm các hoạt động sinh kế an toàn, cũng như điều trị khẩn cấp cho các nạn nhân bom mìn và hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng và giáo dục cộng đồng về nguy cơ để giảm bớt tai nạn và ngăn ngừa thương vong. Quảng Bình và Bình Định, nơi một số lượng bom mìn lớn đã được rải xuống trong suốt thời gian chiến tranh, được coi là hai tỉnh ưu tiên vì mức độ ô nhiễm và số lượng nạn nhân cao cũng như số lượng các biện pháp can thiệp tương tự còn hạn chế trong những năm qua.

Để hỗ trợ nỗ lực loại bỏ vật liệu nổ sau chiến tranh tại Việt Nam, Dự án Việt Nam – Hàn Quốc Hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh (KV-MAP) đã được xây dựng trên cơ sở hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ Hàn Quốc và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Vào năm 2016, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Dự án, giao cho Bộ Quốc Phòng Việt Nam làm cơ quan thực hiện Dự án và Trung tâm Hành động Bom mìn Quốc gia Việt Nam (VNMAC) là Chủ Dự án. Mục đích chính của Dự án là nâng cao năng lực cho VNMAC và các bên có trách nhiệm nhằm loại bỏ vật liệu nổ còn sót lại trên địa bàn hai tỉnh Quảng Bình và Bình Định. UNDP Việt Nam đã được KOICA ủy thác để quản lý và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án. Là một nội dung đã được thống nhất trong phạm vi Dự án, UNDP sẽ thực hiện đánh giá năng lực cho VNMAC và một phần năng lực của Bộ Lao động – Thương binh Xã hội (BLĐ-TBXH) trong thời gian tới nhằm đánh giá được năng lực thể chế hiện tại và xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực trong tương lai. Động thái này cũng giúp UNDP cập nhật lại mốc cơ sở về năng lực cho của hai tổ chức trên cũng như xác định mức độ và bản chất của tác động hỗ trợ này thông qua dự án.

Trong bối cảnh đó, UNDP sẽ tìm một Chuyên gia Tư vấn để thực hiện nội dung đánh giá năng lực như đã nêu trên và xây dựng chiến lược nâng cao năng lực cũng như kế hoạch thực hiện cho dự án.

1. Mục tiêu

Một chuyên gia tư vấn sẽ chịu trách nhiệm chính và hướng dẫn đánh giá năng lực toàn diện cho VNMAC, lập kế hoạch nâng cao năng lực và thực hiện. Đối với BLĐ-TBXH, phạm vi đánh giá sẽ chỉ giới hạn trong khả năng cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội và các hình thức hỗ trợ nạn nhân bom mìn và người khuyết tật ở cấp tỉnh và cấp huyện. Mục tiêu chính là hỗ trợ VNMAC và BLĐ-TBXH rà soát và đánh giá năng lực hiện tại trong nội bộ tổ chức và xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực, đặc biệt là trong lĩnh vực hành động bom mìn (Đây là cơ hội cho mỗi tổ chức đánh giá và thể hiện tầm nhìn vào tương lai, bao gồm cả mục tiêu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch và ngân sách để thực hiện.)

Do hai tổ chức có sự khác nhau về phương pháp và phạm vi đánh giá năng lực (chi tiết trong mục 3), Tư vấn sẽ thực hiện hai chiến lược đánh giá năng lực riêng và hai kế hoạch hành động phù hợp cho từng tổ chức. Tư vấn cũng sẽ xây dựng các phân tích tổng hợp nhằm đánh giá được đóng góp của UNDP trong việc nâng cao năng lực cho VNMAC trong phạm vi Dự án cũng như nhận xét đối với các công tác xây dựng năng lực do UNDP hoặc các đối tác khác thực hiện trong tương lai. Bao gồm cả khả năng cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội và trợ giúp đối với nạn nhân bom mìn và người khuyết tật ở cấp huyện và tỉnh của BLĐ-TBXH. Tư vấn còn tư vấn về việc xây dựng khung giám sát và đánh giá nhằm theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực.

1. Phạm vi công việc:

Phạm vi công việc chi tiết được trình bày trong kế hoạch làm việc, chuyên gia tư vấn sẽ được yêu cầu thực hiện các công việc bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các nội dung sau:

**Đánh giá năng lực và Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực, Khung Giám sát & Đánh giá, Ngân sách thực hiện**

Tư vấn sẽ chịu trách nhiệm chính và hỗ trợ các đơn vị được giao nhiệm vụ bởi chính phủ và đối tác về các nội dung sau:

* Đánh giá năng lực của VNMAC dựa trên chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức, bao gồm nhưng không bị giới hạn trong phạm vi hợp tác với UNDP;
* Rà soát lại hiện trạng của VNMAC, bao gồm cả quan hệ với đối tác trong lĩnh vực để đưa ra nhận xét;
* Rà soát cơ chế giám sát & đánh giá mà VNMAC hiện đang áp dụng;
* Rà soát cấu trúc tổ chức của VNMAC về chức năng và trách nhiệm của từng bộ phận, kênh báo cáo và điều phối giữa các bộ phận…
* Rà soát thông tin về đóng góp của các nhân sự, bao gồm cả các Điều khoản tham chiếu hiện có…
* Rà soát thông tin và các tài liệu được cung cấp về nhu cầu đánh giá năng lực/ đào tạo, các khóa đào tạo/ hội thảo đã tham gia trong lĩnh vực hành động bom mìn;
* Rà soát thông tin có sẵn và phân tích hệ thống liên lạc nội bộ và bên ngoài, hệ thống lưu trữ, giao tiếp điện tử và liên lạc điện tử, tính sẵn có và đầy đủ của hệ thống quản lý và thu thập dữ liệu, sử dụng dữ liệu và thông tin liên quan, khả năng báo cáo và truyền thông, v.v.;
* Rà soát thông tin được cung cấp trên các hệ thống quản lý và quản lý chương trình (hệ thống nhân sự, hệ thống tài chính, hệ thống quản lý tài sản, v.v.);
* Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực, trong đó sẽ bao gồm các khuyến nghị cụ thể để cải thiện năng lực và mối quan hệ (cả bên trong và bên ngoài) của từng tổ chức;
* Xây dựng khung giám sát & đánh giá hoàn thiện có các chỉ số đi kèm để theo dõi tiến độ và tính hiệu quả của kế hoạch nâng cao năng lực áp dụng cho từng tổ chức;
* Xác định các lĩnh vực nâng cao năng lực hiện chưa được xem xét;
* Các kế hoạch nâng cao năng lực sẽ bao gồm: kế hoạch tuyển dụng, yêu cầu đào tạo cũng như các phương tiện phát triển năng lực khác (như được xác định trong báo cáo đánh giá năng lực) và khung giám sát & đánh giá bao gồm các chỉ số và chi phí dựa trên đánh giá.

**Phương pháp luận cần dựa trên nhưng không bị giới hạn bởi các nội dung sau:**

* Điều chỉnh phương pháp luận về đánh giá năng lực của UNDP để phù hợp với bối cảnh Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực hành động bom mìn. Bao gồm thành lập nhóm thực hiện công việc, chịu trách nhiệm chính và hướng dẫn thực hiện theo phương pháp tiếp cận có sự tham gia đánh giá năng lực của UNDP.
* Xây dựng các công cụ và bảng hỏi đánh giá năng lực dựa trên phương pháp đánh giá năng lực của UNDP;
* Rà soát các tài liệu liên quan, xác định phạm vi và phương pháp thực hiện đánh giá năng lực;
* Rà soát lại chức năng nhiệm vụ của VNMAC như được quy định trong các Nghị định, Quyết định và Điều khoản tham chiếu liên quan ….
* Thu thập/ tổng hợp và ghi chú lại “tầm nhìn” của ban chỉ đạo 701, Chương trình 504, các quyết định và nghị định hướng dẫn ngành để có được một bức tranh rõ ràng về khuôn khổ chung mà VNMAC đang hoạt động. Những nội dung trong các tài liệu trên có liên quan tương ứng đến VNMAC để hoàn thành chức năng nhiệm vụ được giao;
* Thu thập thông tin về tầm nhìn của các lãnh đạo cấp cao VNMAC về các vấn đề liên quan đến tổ chức;
* Thực hiện phỏng vấn các cá nhân trong nội bộ VNMAC về vị trí của họ trong bộ phận, tổ chức và đơn vị;
* Thu thập thông tin về tầm nhìn của UNDP, các nhà tài trợ, đơn vị thực hiện, và cố vấn kỹ thuật đang làm việc cho VNMAC và các đối tác khác;
* Soạn thảo và trình bày báo cáo dự thảo trước ban quản lý của VNMAC và UNDP để xem xét và đóng góp ý kiến
* Bổ sung các ý kiến đóng góp vào bản báo cáo dự thảo
* Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực và ước tính ngân sách tương ứng để trình bày và thảo luận với VNMAC và UNDP.

**Phụ lục 5: Ma trận nâng cao năng lực VNMAC, Do nhóm LWG trình bày tháng 12/2018**



**Phụ lục 6: Bài thuyết trình về phương pháp thực hiện tự đánh giá năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phụ lục 7: Các vấn đề cốt lõi trong đánh giá năng lực VNMAC**

**A. Các vấn đề về phát triển tổ chức**

**Tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam.**

Năng lực của VNMAC trong việc soạn thảo/ chuẩn bị chiến lược/ chương trình/ kế hoạch hành động bom mìn Quốc gia:

* VNMAC đã ưu tiên xác định tầm nhìn và chiến lược hay chưa? Các nội dung cần được hỗ trợ là gì?
* VNMAC dự định khi nào sẽ xây dựng kế hoạch hành động bom mìn giai đoạn 2021 - 2025? Liệu VNMAC có đủ năng lực để báo cáo về các thành tựu đã đạt được trong giai đoạn 2016 – 2020?
* VNMAC sẽ làm gì để tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác bên ngoài, bao gồm cả quan hệ với địa phương nhằm xác định ưu tiên và trình tự thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh trong công tác xây dựng kế hoạch?
* Mô tả quy trình ra quyết định về xác định ưu tiên cho hành động bom mìn trong giai đoạn trước mắt và hàng năm, phục vụ mục đích an ninh an toàn, phát triển và nhân đạo.

2. Năng lực của VNMAC trong huy động nguồn lực tài trợ cho hành động bom mìn:

* BLĐ-TBXH, bao gồm cả Quỹ Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, đóng vai trò như thế nào trong việc huy động các nguồn lực?
* VNMAC cần làm gì để tăng cường điều phối các nguồn lực hiện có? Việc hỗ trợ hoạt động của nhóm các đối tác hành động bom mìn hoặc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có giúp ích được nội dung này không?
* VNMAC sẽ làm gì để có thể huy động nguồn tài chính mới cho hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn thay vì phụ thuộc vào các nguồn viện trợ truyền thống?

3. VNMAC đã có kinh nghiệm gì trong việc chịu sự giám sát của các tổ chức dân sự?

* Vai trò của Ban Chỉ đạo 701 và Văn phòng Thủ tướng Chính phủ?
* Các khả năng khác? (vd: Quốc hội giám sát hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh)
* Báo cáo cho các Cơ quan hiệp ước quốc tế?

**Năng lực thể chế của VNMAC:**

4. Cơ cấu tổ chức và năng lực cán bộ nhân viên:

* Các thông tin hiện có về cơ cấu tổ chức, trình độ và năng lực của cán bộ nhân viên VNMAC?
* VNMAC có dự đoán gì về các thay đổi trong tương lai khi mà thông tư hướng dẫn đi kèm nghị định 18 sắp ban hành sẽ làm rõ hơn về chức năng và nhiệm vụ của VNMAC?

5. Ngân sách hoạt động của VNMAC:

* Các thông tin hiện có về ngân sách hoạt động và mức chi tiêu của VNMAC?
* Các khó khăn trở ngại về mặt ngân sách? Mục đích sử dụng cụ thể?

6. Năng lực quản lý của VNMAC đối với các nguồn tài trợ quốc tế cho các hoạt động thể chế và chương trình:

* Ai là người chịu trách nhiệm quản lý nội dung này?
* Các khó khăn trở ngại trong việc đáp ứng yêu cầu đối tác?

7. Hệ thống quản lý của VNMAC:

* Các lãnh đạo có đóng góp gì trong việc ra quyết định nhất quán và kịp thời?
* Các nội dung cần ưu tiên áp dụng trong quá trình vừa làm vừa đào tạo để nâng cấp hệ thống quản lý, ví dụ trong việc ra quyết định?

8. Hệ thống giám sát và báo cáo của VNMAC:

* Hiện VNMAC có áp dụng phương pháp quản lý dựa trên kết quả hay không? và có đủ năng lực để áp dụng phương pháp này không?
* Công tác báo cáo tiến độ hàng năm có hiệu quả không? Có nội dung nào cần cải thiện?
* Chia sẻ thông tin về năng lực báo cáo và giám sát của VNMAC, VNMAC thực hiện nội dung này như thế nào? Có tốt không?
* Có quy định nào về đánh giá kết quả độc lập hay không, bao gồm cả phản hồi từ người thụ hưởng và tác động của việc giải phóng đất?

**B. Các vấn đề kỹ thuật**

9. Khảo sát và Rà phá:

* Mối quan hệ giữa BOMICEN/ Bộ Tư lệnh Công binh và VNMAC trong thực hiện khảo sát & rà phá, triển khai và kiểm soát chất lượng?
* Vai trò của VNMAC trong việc áp dụng thành tựu và công nghệ mới?

10. Các quy định, tiêu chuẩn và quy trình hành động bom mìn:

* Các khó khăn VNMAC gặp phải với vai trò là cơ quan đầu mối trong việc thay đổi các quy định, tiêu chuẩn và quy trình về hành động bom mìn cũng như trong mối tương quan với tiêu chuẩn hành động mìn quốc tế (IMAS)?
* Hiện có cơ chế đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng các quy chuẩn/ quy định trong công tác hành động bom mìn hay không? Nếu không thì cần xây dựng cơ chế như thế nào?

11. Hệ thống quản lý thông tin

* VNMAC có đề xuất gì để cải thiện việc tiếp nhận, lưu trữ, công bố và sử dụng thông tin trong các dự án hành động bom mìn trong bối cảnh áp dụng hệ thống QLTT?
* VNMAC có giải pháp gì để khắc phục được các hạn chế về bảo mật thông thin theo quy định của Bộ Quốc phòng?
* Các kinh nghiệm có thể học hỏi từ mô hình Trung tâm Cơ sở dữ liệu tại Quảng Trị và các quốc gia khác là gì?
* Các khó khăn gặp phải trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng vào hành động bom mìn?

12. Trung tâm huấn luyện:

* Những khó khăn gặp phải khi vận hành trung tâm huấn luyện theo tiêu chuẩn quốc tế?
* VNMAC điều phối công tác huấn luyện như thế nào trong tương quan với các tổ chức trong cùng lĩnh vực?

13. Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn và Hỗ trợ nạn nhân:

* VNMAC đóng vai trò như thế nào trong hai mảng GDPTTNBM và HTNN?
* Các thay đổi nào cần thực hiện và các năng lực nào cần được nâng cao để đảm bảo chiến lược và chính sách quốc gia về GDPTTNBM và HTNN được thực hiện đúng và giám sát chặt chẽ?

**C. Các vấn đề chức năng**

14. Nhân lực:

* Các khó khăn gặp phải trong công tác tuyển dụng và giữ chân nhân sự có trình độ cao cho VNMAC?
* Nguyên nhân gây ra tỷ lệ biến động về nhân sự tương đối cao, cách điều chỉnh giảm hoặc giảm tác động tiêu cực?
* VNMAC có điều khoản tham chiếu cho từng vị trí làm việc không? cán bộ VNMAC có quan hệ giám sát rõ ràng và quy trình làm việc tốt hay không?
* Các vị trí đăng tuyển có được phân loại theo các mức năng phù hợp với VNMAC hay không?
* Có cơ chế đóng góp/ phản hồi về chất lượng công việc và cơ chế khuyến khích nhân viên sáng tạo và nỗ lực trong công việc hay không?
* Kể tên các cơ hội đào tạo hiện có cho nhân viên? Tác động của các hoạt động đào tạo này lên hiệu suất công việc như thế nào?

15. Tài chính

* Các khó khăn gặp phải trong công tác quản lý và báo cáo tài chính một cách chính xác và kịp thời?
* Hoạt động của bộ phận tài chính được đánh giá như thế nào thông qua các hoạt động kiểm toán và báo cáo tương tự?

16. Năng lực của VNMAC trong công tác mua sắm, công nghệ thông tin và hậu cần? Kể tên các vấn đề còn tồn đọng.

17. Các năng lực cần có để cải thiện hoạt động truyền thông và tiếp cận cộng đồng? Kể tên các vấn đề còn tồn đọng.

Với mỗi nội dung được liệt kê ở trên, việc tham vấn cá nhân và cung cấp tài liệu liên quan để có được thông tin chi tiết cho buổi thảo luận đánh giá là rất cần thiết, nếu không, thông tin thu được sẽ gần như không hiệu quả.

1. Hiện một dự thảo luật đang được xem xét thông qua, theo đó cấp tỉnh sẽ xây dựng chương trình và kế hoạch cho từng năm hoặc từng giai đoạn 5 năm trình VNMAC thẩm định. VNMAC sẽ xây dựng chương trình và kế hoạch ưu tiên quốc gia được tổng hợp từ kế hoạch của các tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)